
BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG VÀ CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC CÂN THẬN CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG



❖ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 8A Trần Phú, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: (84 – 31).3859 945

Fax: (84 – 31).3859 973



❖ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39412626 Fax: (84.4) 39347818



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 38242897 Fax: (84.8) 38242997

Chi nhánh Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39366321 Fax: (84.4) 39366311



MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU.....	4
CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	6
I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	7
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa.....	7
2. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	7
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	8
4. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.....	9
5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	13
6. Giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước	13
7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	16
8. Danh sách công ty mẹ và công ty con.....	22
9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa	24
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	47
II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	51
1. Mục tiêu cổ phần hóa.....	51
2. Yêu cầu cổ phần hóa.....	51
3. Hình thức cổ phần hóa.....	51
4. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	52
5. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	53
6. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ sau cổ phần hóa	54
7. Cơ cấu sở hữu của Công ty với các đơn vị thành viên	56
8. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ sau khi cổ phần hoá.....	57
9. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá.....	63
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	69
IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	70
1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá	70
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động.....	72
3. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư trong nước là	

<i>đối tác chiến lược</i>	73
4. <i>Bán cổ phần cho CBCNV theo năm cam kết làm việc</i>	75
5. <i>Bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn</i>	76
6. <i>Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần</i>	76
V. RỦI RO DỰ KIẾN	78
1. <i>Rủi ro kinh tế</i>	78
2. <i>Rủi ro luật pháp</i>	78
3. <i>Rủi ro đặc thù</i>	79
4. <i>Rủi ro liên quan đến các vấn đề cần tiếp tục xử lý khi cổ phần hóa và bàn giao sang công ty cổ phần</i>	80
5. <i>Rủi ro của đợt chào bán cổ phần</i>	82
6. <i>Rủi ro khác</i>	82
VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG	83
1. <i>Ban chỉ đạo cổ phần hóa:</i>	83
2. <i>Tổ chức đấu giá:</i>	84
3. <i>Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng:</i>	85

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.....	8
Bảng 2: Danh sách người lao động tại ngày 10/03/2014 phân theo trình độ	13
Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013	14
Bảng 4: Cơ cấu đất đai Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hiện đang quản lý.....	16
Bảng 5: Danh mục đất đai, địa điểm, mục đích sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp.....	17
Bảng 6: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	21
Bảng 7: Danh mục một số phương tiện vận tải có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	21
Bảng 8: Danh sách công ty con của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	22
Bảng 9: Danh sách công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	23
Bảng 10: Danh sách công ty có vốn góp của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	23
Bảng 11: Năng lực hạ tầng khai thác dịch vụ cảng	25
Bảng 12: Sản lượng hàng rời/ hàng container qua các năm	26
Bảng 13: Phương tiện phục vụ khai thác dịch vụ cảng	29
Bảng 14: Danh mục các hợp đồng lớn Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	32
Bảng 15: Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 3 năm trước cổ phần hóa	34
Bảng 16: Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	35
Bảng 17: Cơ cấu doanh thu và thu nhập trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	36
Bảng 18: Cơ cấu chi phí trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	38
Bảng 19: Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ 3 năm trước cổ phần hóa.....	40
Bảng 20: Một số chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ giai đoạn 2012 - 2013	41
Bảng 21: Chi tiết các khoản nợ vay	42
Bảng 22: Số thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	43
Bảng 23: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn	43
Bảng 24: Giá trị đầu tư qua các năm	45
Bảng 25: Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2011 – 2013	46
Bảng 26: Dự kiến lượng hàng thông qua cảng biển đến năm 2030.....	50
Bảng 27: Danh sách công ty có vốn góp của công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng sau cổ phần hóa	56


Bảng 28: Nhu cầu đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa	59
Bảng 29: Kế hoạch góp vốn/thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết.....	62
Bảng 30: Kế hoạch kinh doanh 2014 – 2018.....	63
Bảng 31: Các chỉ số về hiệu quả hoạt động và sinh lời (căn cứ số liệu Công ty mẹ)	65
Bảng 32: Cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần	69
Bảng 33: Tổng số tiền dự kiến thu được từ cổ phần hóa.....	76

CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Bán đấu giá cổ phần	Là hình thức bán cổ phần của Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng.
Nhà đầu tư	Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và thông tin về đợt chào bán cổ phần nêu tại mục IV.
Ban chỉ đạo cổ phần hoá	Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng
Cảng Hải Phòng Công ty	Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng
Báo cáo tài chính Công ty mẹ	Là báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng và các công ty, đơn vị trực thuộc.
Báo cáo tài chính hợp nhất	Là báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng kiểm soát.
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CTCP	Công ty cổ phần
HĐTV	Hội đồng Thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
KDCB	Kinh doanh cơ bản

I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

- ❖ Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng
- ❖ Tên Tiếng Anh: Hai Phong Port Holding Limited Liability Company
- ❖ Tên Viết Tắt: Port of Haiphong
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- ❖ Điện thoại: 031.3859945
- ❖ Fax: 031.3859973
- ❖ Website: haiphongport.com.vn
- ❖ Logo:

- ❖ Giấy CNĐKKD: 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 25/02/2014
- ❖ Vốn điều lệ: 765.247.638.774 đồng
(Bảy trăm sáu mươi lăm tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng)

2. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- ❖ Dịch vụ bốc xếp hàng hóa
- ❖ Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- ❖ Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 02/06/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 25/02/2014, ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng bao gồm:

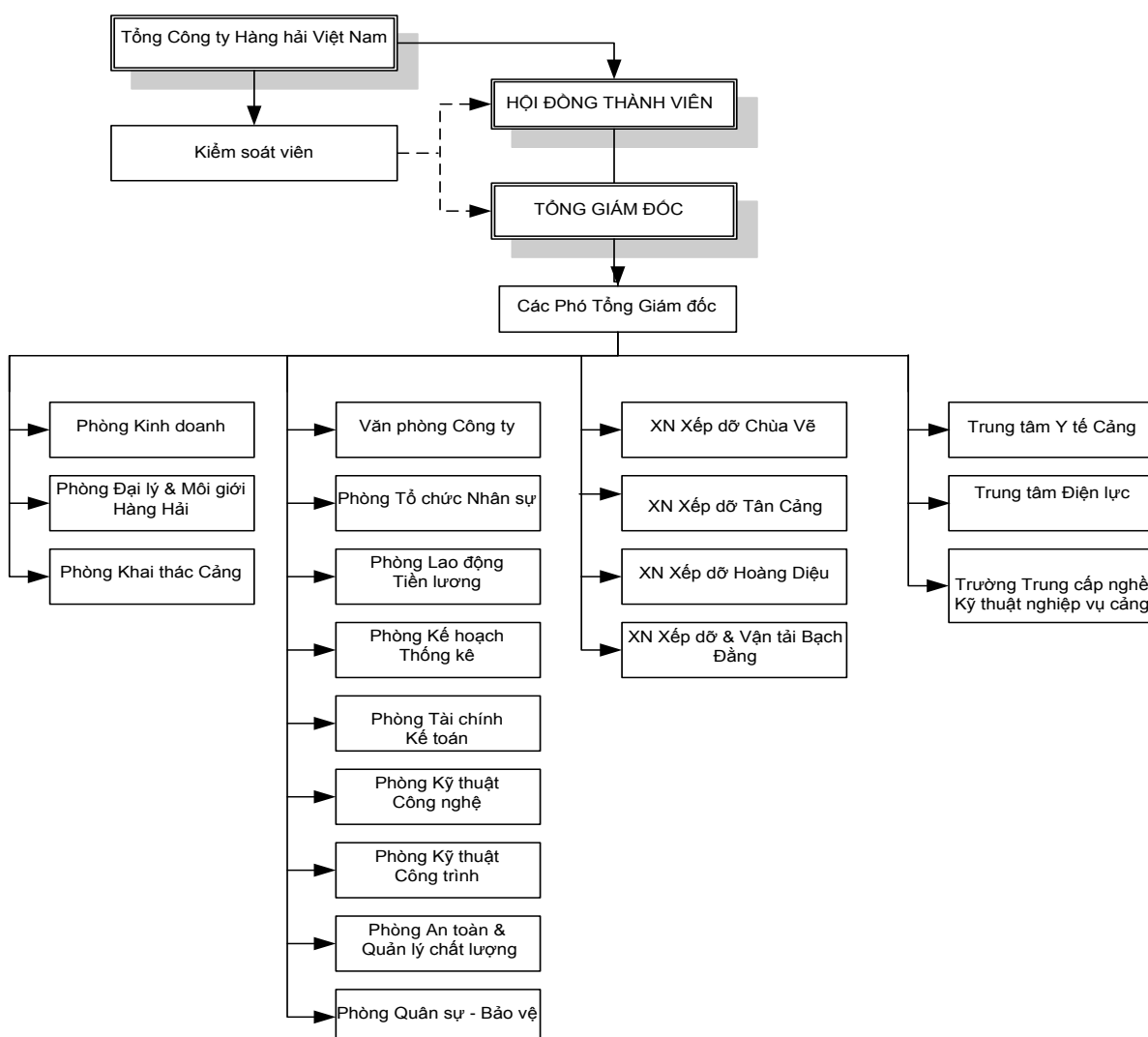
Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224 (chính)
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container	3319
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	
11	Giáo dục nghề nghiệp	8532
12	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610

4. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hiện nay như sau:



Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban

Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên với cơ quan quyền lực

cao nhất là Hội đồng thành viên. Dưới Hội đồng thành viên là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và các phòng ban chịu trách nhiệm về các hoạt động cụ thể. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Ban Điều hành và các phòng ban.

Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban

Tổng giám đốc: là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chỉ đạo và giải quyết công việc các lĩnh vực: tài chính – kế toán, tổ chức - nhân sự, công tác đối ngoại, kế hoạch, đầu tư và phát triển, kiểm tra ... Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc: 4 Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc bằng việc trực tiếp chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực:

- Xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở hạ tầng, an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống lụt bão.
- Quản lý khai thác, điều hành sản xuất của Công ty gồm: xây dựng kế hoạch và điều hành sản xuất, khai thác cảng, tổ chức bố trí, điều động tàu, phương tiện ra vào các khu vực xếp dỡ của cảng (bao gồm cả trong cầu và khu chuyển tải).
- Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách, hành chính, văn phòng, tuyên truyền, báo chí, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, y tế, quân sự - bảo vệ, và các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong Công ty.
- Kinh doanh, tiếp thị, kho hàng, giao nhận vận chuyển, đóng gói hàng hóa.
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ, sửa chữa cơ khí, mua sắm nguyên nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị.

Văn phòng Công ty tham mưu, tổng hợp giúp việc Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Công ty trong việc lập kế hoạch công tác và tổ chức, điều hành công việc theo chương trình và lịch công tác đã được lãnh đạo Công ty duyệt, đồng thời thực hiện công tác văn thư, lưu trữ và tổ chức các công việc thuộc lĩnh vực hành chính, quản trị, tuyên truyền, thi đua khen thưởng theo quy định.

Phòng Tài chính Kế toán tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty quản lý, điều hành việc tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước về lĩnh vực

tài chính và các lĩnh vực liên quan, nghiên cứu đề xuất các hình thức huy động vốn và sử dụng vốn, xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính, thực hiện công tác thu chi, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện công tác thu chi theo quy định.

Phòng Tổ chức nhân sự tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trên các lĩnh vực: Tổ chức, cán bộ, quản lý lao động, công tác đào tạo, công tác Thanh tra, khen thưởng, kỷ luật lao động và thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội của nhà nước đối với người lao động, công tác Bảo vệ chính trị nội bộ của Công ty.

Phòng Lao động Tiền lương tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý tổ chức lao động, sử dụng lao động và Tiền lương; hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách của nhà nước đối với người lao động, nội quy, quy chế về tiền lương và thu nhập theo quy định.

Phòng Quân sự Bảo vệ tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty về công tác bảo vệ trật tự an toàn Cảng, công tác quân sự tự vệ quốc phòng của địa phương.

Phòng Kỹ thuật Công nghệ tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, xây dựng kế hoạch đầu tư, đổi mới công nghệ, kế hoạch sửa chữa - bảo quản các phương tiện, máy móc, thiết bị (cả thiết bị điện), công cụ xếp dỡ, định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu trong vận hành, sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị, công cụ xếp dỡ, xây dựng quy trình xếp dỡ .

Phòng Khai thác tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý, tổ chức khai thác cầu bến, khu vực chuyên tải, phương tiện, thiết bị đảm bảo an toàn, hiệu quả: thực hiện điều động, bố trí tàu và các phương tiện vận tải, kế hoạch xếp dỡ, rút hàng ở kho bãi, chỉ đạo và kiểm tra sản xuất ở hiện trường.

Phòng Kế hoạch thống kê tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong điều hành, quản lý công việc thuộc lĩnh vực xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn; thống kê phân tích hoạt động kinh tế, quản lý, khai thác toàn bộ hệ thống tin học và quản trị toàn bộ hệ thống mạng thông tin của Công ty.

Phòng Kinh doanh tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý công việc thuộc lĩnh vực Kinh doanh, tiếp thị và Pháp chế Giao nhận hàng hóa của Công ty gồm: xây dựng và quản lý các hợp đồng kinh tế về dịch vụ của Cảng, xây dựng biểu cước dịch vụ, tổ chức tính cước và lập chứng từ thu cước, và công tác tiếp thị, thị trường, phương án sản xuất kinh doanh.

Phòng Đại lý và Môi giới Hàng Hải tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực Dịch vụ Đại lý và Môi giới Hàng hải, An ninh Cảng Biển: giao dịch với các chủ tàu, chủ hàng để ký kết các hợp đồng Đại lý tàu biển và Môi giới hàng hải, thu xếp các công việc tạo điều kiện thuận lợi cho bốc xếp, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ Hàng hải, tư vấn cho tàu ra vào Cảng xếp dỡ giao nhận các thủ tục theo quy định

Phòng Kỹ thuật Công trình tham mưu, giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực quản lý vùng đất, vùng nước của Cảng; giám sát kỹ thuật việc sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, gia cường, thay thế làm mới ... các công trình Cảng, nhằm đảm bảo tuổi thọ của các công trình đã có, nâng cao chất lượng của cơ sở hạ tầng; xây dựng quy hoạch phát triển Cảng, khảo sát và lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và gia công sửa chữa các công trình của Cảng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công các công trình đầu tư theo các quy định hiện hành

Phòng An toàn và quản lý chất lượng Tham mưu giúp Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc thuộc lĩnh vực an toàn, bệnh nghề nghiệp của người lao động; bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ thuộc công ty; quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO14001: 2004; tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật của công ty

Trung tâm Điện lực xây dựng kế hoạch quản lý, quy hoạch, vận hành, tiêu thụ điện năng; tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo quy định của ngành điện và theo kế hoạch; phối hợp giải quyết các sự cố về điện trong toàn hệ thống điện của Cảng

Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng đào tạo công nhân các ngành, nghề đặc thù của Công ty, bổ túc tay nghề cho công nhân, huấn luyện quy trình công nghệ cho công nhân, quản lý các lớp bổ túc và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho CBCNV

Trung tâm Y tế có chức năng, nhiệm vụ: Theo dõi bệnh nghề nghiệp, Dịch vụ khám chữa bệnh cho các doanh nghiệp và nhân dân, Dịch vụ làm công tác vệ sinh phòng bệnh cho các doanh nghiệp, Dịch vụ y tế dự phòng cho các doanh nghiệp, Dịch vụ cấp cứu cho bệnh nhân tại hiện trường sản xuất, tại gia đình.

Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

5. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 10/03/2014 là 3.828 người, cơ cấu lao động phân theo trình độ như sau:

Bảng 2: Danh sách người lao động tại ngày 10/03/2014 phân theo trình độ

Phân loại theo trình độ	Số lượng
Số lao động có trình độ trên đại học	19
Số lao động có trình độ đại học	898
Số lao động có trình độ cao đẳng	152
Số lao động có trình độ trung cấp	92
Số lao động khác	2.667
Tổng cộng	3.828

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Trong đó, 3.772 người sẽ được chuyển sang làm việc tại Công ty sau khi cổ phần hóa, chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Tổng số
1	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	3.828
2	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	56
a)	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành từ thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp đến 30/06/2014	54
b)	Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động trong tháng 3 và tháng 4 năm 2014	2
3	Số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần	3.772

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

6. Giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước

6.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-HHVN ngày 10/03/2014 việc xác định giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, giá trị doanh nghiệp thực tế của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013 là **4.314.427.161.946** đồng, trong đó, Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng là **3.269.611.135.864** đồng.

Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 30/06/2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Kết quả xác định
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	4.314.427.161.946
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	3.610.296.429.093
1. Tài sản cố định	2.764.413.756.288
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	775.769.148.557
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	70.113.524.248
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	663.631.407.299
1. Tiền	42.759.460.069
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	331.950.000.000
3. Các khoản phải thu	209.223.059.487
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	24.694.693.904
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	48.869.269.743
6. Công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng	6.134.924.097
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	40.499.325.554
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-
B. Tài sản không cần dùng	2.173.437.461
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	3.515.000
1. Tài sản cố định	3.515.000
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	2.169.922.461
1. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém phẩm chất	2.169.922.461
C. Tài sản chờ thanh lý	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	4.233.748.074
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+ B+ C+ D)	4.320.834.347.480
Trong đó:	
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	4.314.427.161.945
E1. Nợ thực tế phải trả	1.044.816.026.081
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp ngân sách Nhà nước	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}	3.269.611.135.864

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

6.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

❖ Liên quan đến giá trị cầu cảng 4 và cầu 5 khu vực Chùa Vẽ

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013), cầu cảng số 04, 05 khu vực Chùa Vẽ được bàn giao từ dự án ODA nâng cấp Cảng Hải Phòng chưa được quyết toán và chưa có quyết định về phương án sử dụng của cơ quan có thẩm quyền, Công ty đang ghi nhận vào tài sản theo giá tạm tính. Giá trị 02 cầu cảng này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn thuế định giá lại và ghi tăng vào giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước là 162 tỷ đồng.

Ngày 25/03/2014, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1966/VPCP-KTN chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hạch toán tăng tài sản và giao cho Bộ Giao thông Vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các cầu cảng của Cảng Hải Phòng, đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều kiện của Hiệp định vay vốn đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài.

Giá trị cầu cảng số 4, số 5 tại khu vực Chùa Vẽ cần được quyết toán và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về phương án khai thác, sử dụng và phương án trả nợ vay, lãi vay.

❖ Khoản chi phí sửa chữa

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, các khoản chi phí sửa chữa (trích trước) trong giai đoạn 2010 đến 2013 (giá trị khoảng 101 tỷ đồng) đã được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hiện tại Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam đang gửi văn bản lên Bộ Tài chính về việc số dư khoản trích này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được coi là nợ phải trả hay xử lý tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng thời điểm 24h ngày 30/06/2013 xác định lại chưa bao gồm giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa. Trong trường hợp Bộ Tài chính có văn bản đồng ý xử lý giá trị các khoản chi phí sửa chữa trích trước tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, thì giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa trích trước này sẽ được ghi tăng phần phải trả về nhà nước.

❖ Khoản thuế nhà thầu

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng chưa điều chỉnh đối với khoản thuế nhà thầu theo kết luận kiểm tra của Cục thuế Hải Phòng số 911 KL/CT-TTr ngày 24 tháng 12 năm 2013 liên quan đến 02 Hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị kèm theo một số dịch vụ (02 cầu trục chân đế kiểu quay; 04 cầu trục giàn RTG)

từ đối tác KIROW ARDELT – Cộng hòa liên bang Đức và TCM Corporation – Nhật Bản. Tổng giá trị của 2 hợp đồng này là 10.680.000 USD bao gồm giá mua hàng CIF tại cầu cảng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, các chi phí: Xếp dỡ, giao nhận, kiểm tra, giám định, thử nghiệm, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, bảo hành, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thử tải, nghiệm thu... Toàn bộ giá trị 02 hợp đồng này là 10.680.000 USD đã được Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng chuyển trả cho đối tác nước ngoài. Công ty chưa thực hiện kê khai nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài do Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng chưa thống nhất về căn cứ xác định nghĩa vụ thuế nhà thầu phải nộp và đang gửi công văn xin hướng dẫn chi tiết của Tổng cục thuế.

7. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

7.1. Đất đai

Đến thời điểm 0h ngày 30/06/2013, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng đang quản lý tổng diện tích là 2.151.161 m², trong đó 1.124.630,5 m² là diện tích đất và 1.026.530,5 m² là diện tích mặt nước, trong đó:

Bảng 4: Cơ cấu đất đai Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hiện đang quản lý

Phân loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ
Đất được Nhà nước giao	762.472,0	35,4%
<i>Đất được giao sử dụng lâu dài có thu tiền sử dụng đất</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Đất được giao không thu tiền sử dụng đất</i>	<i>762.472,0</i>	<i>35,4%</i>
Đất được Nhà nước cho thuê trả hàng năm	1.388.689,0	64,6%
Tổng cộng	2.151.161	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Căn cứ văn bản số 1466/UBND-DN ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Phương án sử dụng đất phục vụ cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Cảng Hải Phòng là tiếp tục sử dụng với mục đích sử dụng hiện tại.

Bảng 5: Danh mục đất đai, địa điểm, mục đích sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m2)	Diện tích đất Nhà nước giao (m2)	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m2)	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại
			Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền hàng năm		
1	Thửa đất số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	4.083,20		4.083,20	50 năm từ năm 2007	Văn phòng làm việc của Cảng Hải Phòng
2	Thửa đất số 23 đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền xây dựng trung tâm Y Tế (*)	1.022,00	1.022,00		Thời hạn lâu dài	Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng để phục vụ kiểm tra và chăm sóc, khám sức khỏe cho CBCNV
3	Bãi chứa nhựa đường phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền	6.472,70		6.472,70	50 năm từ năm 2007	Kinh doanh kho bãi và kho chứa nhựa đường hóa lỏng
4	Thửa đất số 04 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	2.276,80		2.276,80	10 năm từ năm 2007	Văn phòng làm việc của chi nhánh Xí nghiệp xếp dỡ & VT Bạch Đằng, Trung tâm điện lực Cảng Hải Phòng
5	Thửa đất số 09 đường Cù Chính Lan, phường Minh Khai, quận	1.225,40		1.225,40	50 năm từ	Trường Trung cấp nghề Cảng Hải

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG



STT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m2)	Diện tích đất Nhà nước giao (m2)	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m2)	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại
			Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền hàng năm		
	Hồng Bàng				năm 2007	Phòng
6	Thửa đất số 02 đường Hoàng Diệu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền (**)	355.949,90		355.949,90	Đất năm trong quy hoạch, chưa được cấp GCN QSD Đất	Khu cảng chính khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistic
7	Khu đất số 2 đường bao Trần Hưng Đạo, phường Đông Hải I, quận Hải An	236.820,20		236.820,20	50 năm từ năm 2004	Khu cảng Chùa Vẽ khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics. Tiếp nhận hàng hóa tàu quân sự và các dịch vụ khác
8	Khu đất lô 15 đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Lâm, quận Hải An	777		777	50 năm từ năm 2010	Trụ sở văn phòng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG



STT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m2)	Diện tích đất Nhà nước giao (m2)	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m2)	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại
			Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền hàng năm		
9	Cảng Đình Vũ giai đoạn II, phường Đông Hải II, Quận Hải An	436.460,00		436.460,00	50 năm từ năm 2012	Khu cảng Đình Vũ giai đoạn II (Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng) khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics
10	Cảng Đình Vũ giai đoạn III, phường Đông Hải II, Quận Hải An	74.244,30		74.244,30		Khu cảng Đình Vũ giai đoạn III (Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng) khai thác xếp dỡ hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các dịch vụ logistics
11	Thửa đất khu hậu cần Bến Gót - Cát Hải, Đàm EC, thị trấn Cát Hải	5.299,00		5.299,00	40 năm từ năm 2006	Khu nhà quản lý và dịch vụ hậu cần cho khu chuyển tải Bến Gót, Lạch Huyện
12	Mặt nước khu chuyển tải Bạch Đằng, xã Đông Hải, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng	60.000,00		60.000,00	thời hạn lâu dài	Khu chuyển tải cho tàu 7.000DWT

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG



STT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô đất (m2)	Diện tích đất Nhà nước giao (m2)	Diện tích đất nhà nước cho thuê (m2)	Thời gian giao, cho thuê đất	Mục đích sử dụng đất hiện tại
			Không thu tiền sử dụng đất	Trả tiền hàng năm		
13	Mặt nước khu cảng nổi chuyên tải hàng hóa tại thị trấn Cát Hải và xã Phù Long, huyện Cát Hải	205.080,50		205.080,50	thời hạn lâu dài	Khu chuyên tải cho tàu 30.000 - 50.000 DWT
14	Khu chuyên tải vịnh Lan Hạ (***)	761.450,00	761.450,00			03 điểm neo đậu, chuyên tải dầu cho tàu trọng tải 20.000 - 40.000 DWT

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Ghi chú:

(*): Là phần diện tích đất để xây dựng công trình công ích (Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng) không tính vào giá trị doanh nghiệp.

(**): Là phần diện tích thửa đất Cảng chính nằm trong quy hoạch của thành phố Hải Phòng (sẽ được nêu cụ thể tại Phần V. Rủi ro dự kiến, mục 3.1. Rủi ro quy hoạch) vì vậy Sở Tài Nguyên môi trường thành phố Hải Phòng không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, đối với khu đất này, Cảng Hải Phòng được miễn tiền thuê đất.

(**): Là diện tích mặt nước được quyền khai thác, không có giá trị hạch toán trên sổ sách kế toán.

7.2. Máy móc thiết bị

Bảng 6: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

(Đơn vị: Nghìn đồng)

Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị định giá lại
Cần trục đế TUKAN	4	2005 – 2007	214.147.944	55%	117.781.369
Cần trục chân đế KIROP	18	1971 - 1990	80.626.701	20%	16.125.340
Cần trục TUKAN	8	2008 – 2012	468.448.627	83%	55.959.424
Cần trục SOKOL	4	2000- 2002	171.318.355	29%	49.682.323
Cần trục đế CONDO	2	1990	107.073.972	20%	21.414.794
Cần trục giàn bánh ray	4	2007	275.281.533	65%	178.932.996
Cần trục giàn bánh lốp	12	2001 - 2007	184.001.423	46%	85.415.255
Cần trục giàn cầu tàu	4	2001 - 2009	253.116.781	26%	142.402.554

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

7.3. Phương tiện vận tải

Bảng 7: Danh mục một số phương tiện vận tải có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

(Đơn vị: Nghìn đồng)

Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	% còn lại	Giá trị còn lại
Nâng hàng FORK	7	2005	28.692.081	20%	5.738.416
Nâng hàng Reachstacker	5	2008-2011	55.250.000	71%	39.227.500

Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá	% còn lại	Giá trị còn lại
Nâng hàng số E	22	2007-2012	90.702.943	66%	59.705.449
Nâng hàng TCM	16	2000-2005	22.020.458	20%	4.404.092
Đầu kéo SINOTRUK	15	2012	13.397.032	95%	12.682.524
Đầu kéo Huyndai	4	2003	3.261.041	20%	652.208
Đầu kéo MAZ	3	2005	1.850.052	24%	444.012

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

8. Danh sách công ty mẹ và công ty con

❖ Công ty mẹ:

Trước cổ phần hóa, Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước do Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.

❖ Công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty có vốn góp cổ phần tại 10 đơn vị, trong đó có (i) 2 công ty con; (ii) 6 công ty liên kết; (iii) 4 đơn vị với tỷ lệ vốn góp dưới 20%.

Bảng 8: Danh sách công ty con của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

T	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (đồng)	% góp vốn	Giá trị góp vốn (đồng)
1	CTCP Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng	27.000.000.000	60%	16.200.000.000
2	CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ	200.000.000.000	51%	102.000.000.000

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Bảng 9: Danh sách công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (đồng)	% góp vốn	Giá trị góp vốn (đồng)
1	CTCP Vinalines Đông Bắc (*)	20.000.000.000	58,82%	5.000.000.000
2	CTCP vận tải Container Đông Đô	19.541.000.000	32,24%	6.300.000.000
3	CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng	86.004.050.000	36,56%	31.440.000.000
4	CTCP Logistics Cảng Sài Gòn	14.907.000.000	20,12%	3.000.000.000
5	CTCP đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng	85.098.700.000	27,61%	23.500.000.000
6	Trường cao đẳng nghề Hàng Hải Việt Nam	18.250.000.000	27,40%	5.000.000.000

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

(*)Ghi chú: Đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ đăng ký của CTCP Vinalines Đông Bắc là 20 tỷ đồng, tỷ lệ cam kết góp vốn của Cảng Hải Phòng trên vốn điều lệ của CTCP Vinalines Đông Bắc là 25%. Tuy nhiên vốn thực góp của Vinalines Đông Bắc đến thời điểm hiện tại là 8,5 tỷ đồng, do vậy tỷ lệ/vốn thực góp của Cảng Hải Phòng tại Vinalines Đông Bắc là 58,82%. Công ty không nắm quyền kiểm soát tại Vinalines Đông Bắc và không hạch toán báo cáo tài chính của Vinalines Đông Bắc vào báo cáo tài chính hợp nhất của Cảng Hải Phòng

Bảng 10: Danh sách công ty có vốn góp của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ (đồng)	%góp vốn	Giá trị góp vốn (đồng)
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	7.952.069.000.000	0,17%	13.154.520.000
2	CTCP tin học và công nghệ Hàng Hải	4.500.000.000	2,92%	131.300.000
3	CTCP Vinalines Logistics	141.621.300.000	1,41%	2.000.000.000
4	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	401.306.200.000	0,06%	250.000.000

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

Được hình thành từ năm 1874, đến nay Cảng Hải Phòng đã trải qua gần 140 năm xây dựng và phát triển để vươn lên thành cảng biển lớn nhất khu vực phía Bắc Việt Nam. Với vị trí nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, Cảng Hải Phòng được đánh giá là địa điểm thuận lợi cho các hoạt động vận tải/ giao thương của khu vực phía Bắc Việt Nam.

Về kết nối giao thông đường bộ, Cảng Hải Phòng có vị trí tại thành phố là đầu mối giao thông trọng điểm:

- Hà Nội – Hải Phòng: Đường 5
- Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định: Đường 10
- Hải Phòng – Quảng Ninh: Đường 18

Hệ thống đường bộ này đóng một vai trò quan trọng trong việc lưu thông hàng hóa giữa Cảng Hải Phòng và vùng hậu phương miền Bắc Việt Nam.

Về kết nối đường sắt, Cảng Hải Phòng là cảng duy nhất tại Việt Nam có hệ thống đường sắt kết nối trực tiếp đến Cảng. Hiện tại, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam khai thác các chuyến đường sắt với lịch chạy hàng ngày tuyến Hải Phòng – Hà Nội và 2 ngày một chuyến vận chuyển hàng hóa giữa Hải Phòng và Lào Cai (sát biên giới Vân Nam – Trung Quốc).

Về kết nối đường thủy, xà lan có trọng tải đến 1.000 tấn có thể vận chuyển hàng hóa thông qua mạng lưới đường sông giữa Hải Phòng và Quảng Ninh (sát biên giới Đông Nam Trung Quốc) và vận chuyển ngược lên thượng lưu các tỉnh nằm ở phía Bắc Hải Phòng.

Về kết nối đường không, sân bay quốc tế Nội Bài cách Hải Phòng 120km và sân bay nội địa Cát Bi – cách khu cảng chính 5km, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không.

Hiện tại Cảng Hải Phòng khai thác dịch vụ cảng và vận tải trên hệ thống hạ tầng cảng gồm:

Bảng 11: Năng lực hạ tầng khai thác dịch vụ cảng

Tên	Số lượng cầu/ bến	Chiều dài	Trọng tải tàu tối đa có thể tiếp nhận	Loại hàng tiếp nhận	Hậu phương
I. Cảng					
Cảng Hoàng Diệu	3 cầu tàu	495 m	40.000 DWT	Hàng container	31.320 m ² kho
	8 cầu tàu	1.222 m	30.000 DWT	Hàng bách hóa, hàng rời, bao	163.000 m ² bãi container
Cảng Chùa Vẽ	5 cầu tàu	848m	10.000 DWT	Hàng container	3.300 m ² kho CFS 179.400 m ² bãi container
Tân Cảng Hải Phòng	5 cầu tàu	981m	40.000 DWT	Hàng container	250.000 m ² bãi
II. Khu chuyên tải					
Bến nổi Bạch Đằng	3 bến phao		7.000 DWT	Hàng bách hoá, Container	2.700 m ² bãi chuyên phục vụ đóng rút hàng container
Vùng neo Hạ Long	3 điểm neo		30.000 DWT	Hàng bách hoá, Container	3 điểm neo cho tàu hàng khô
Vịnh Lan Hạ	3 bến phao	Bán kính neo từ 250 m đến 300 m	Từ 25.000DWT đến 40.000 DWT	Chuyên tải dầu	
Khu chuyên tải Bến Gót	2 điểm neo	Bán kính neo 225 m	15.000DWT		

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.1. Lĩnh vực kinh doanh

Với hệ thống cơ sở hạ tầng và lợi thế về vị trí địa lý nêu trên, Công ty đã và đang cung cấp dịch vụ cho các khách hàng là các hãng tàu quốc tế lớn, hay các chủ hàng nội địa. Các dịch vụ chính của Công ty bao gồm (i) Bốc xếp hàng hóa (ii) Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản hàng hóa tại cảng (iii) Lai dắt/ hỗ trợ tàu và chuyên tải (iv) Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác.

9.1.1. Hoạt động bốc xếp

Hoạt động bốc xếp là hoạt động chính và chiếm tới trên 75% doanh thu cho Công ty, bao gồm doanh thu từ dịch vụ bốc xếp hàng container (70% tổng doanh thu bốc xếp) và doanh thu bốc xếp hàng rời.

Với đặc thù của dịch vụ xếp dỡ hàng rời cần lực lượng lao động lớn, phát sinh nhiều hao hụt/ tổn thất trong quá trình giao nhận, đồng thời phải duy trì hệ thống nhà xưởng/ kho bãi đủ tiêu chuẩn tiếp nhận hàng trong khi doanh thu không cao nên các doanh nghiệp khác thường tập trung vào dịch vụ xếp dỡ hàng container. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo mục tiêu phục vụ phát triển nông nghiệp đất nước, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng hệ thống 8 cầu cảng và nhà kho sẵn có phục vụ cho việc xuất nhập khẩu hàng rời/ hàng bách hóa tại cảng Hoàng Diệu và là một trong số ít các doanh nghiệp tại khu vực Hải Phòng còn cung cấp dịch vụ bốc xếp cho mặt hàng này.

Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư nâng cao năng suất bốc xếp hàng container tại khu vực Tân Cảng Hải Phòng, cảng Chùa Vẽ nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu của khu vực. Theo kế hoạch, Công ty sẽ đầu tư trang thiết bị để đưa Tân Cảng Hải Phòng trở thành cảng container lớn nhất miền Bắc.

Bảng 12: Sản lượng hàng rời/ hàng container qua các năm

	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Hàng rời	Nghìn tấn	12.404	13.066	13.797
Hàng container	Nghìn TEU	1.018	964	1.040

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.1.2. Dịch vụ lưu kho bãi

a. Bãi và dịch vụ bãi

Hiện nay bãi và các dịch vụ bãi là hoạt động hiệu quả nhất và mang lại lợi nhuận lớn nhất cho Công ty. Công ty đang cung cấp dịch vụ bãi container có hải quan kiểm hóa cho nhiều hãng tàu trên hệ thống 2 bãi container tại cảng Chùa Vẽ, và Tân Cảng Hải Phòng với tổng diện tích trên 343.565m². Khối lượng container thông quan bình quân 5 năm trở lại đây của cảng đạt mức 958.384 TEU/năm (riêng năm 2013 đạt 1.040.000 TEU) với tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 27%. Bên cạnh đó, Công ty còn quản lý 20 bãi hàng bách hóa với tổng diện tích 141.455 m² tại cảng Hoàng Diệu, Tân Cảng Hải Phòng, bến nổi Bạch Đằng. Cảng Hải Phòng có góp vốn với Công ty Cổ phần Logistic Cảng Sài Gòn kinh doanh khai thác bãi container với diện tích 5 ha tại khu vực Đình Vũ để cung cấp dịch vụ kho bãi cho các khách hàng.

Số lượng, năng lực thiết bị nâng hạ phục vụ khai thác bãi hiện nay của Cảng Hải Phòng lớn nhất khu vực miền Bắc và tương đối hiện đại (phần lớn được đầu tư mới trong giai đoạn 2012 – 2014).

Trong dịch vụ bãi Container, sản lượng phán sấu (nâng hạ, di chuyển vỏ rỗng) luôn là một trong các yếu tố tạo nên hao phí lớn cho doanh nghiệp. Công ty đã đưa vào sử dụng cần trục giàn RTG mới sử dụng hệ thống lái tự động và định vị container trên bãi bằng công nghệ DGPS tại Tân Cảng Hải Phòng, ứng dụng phần mềm CTMS quản lý bến container tại cảng Chùa Vẽ. Việc quy hoạch, xếp dỡ khoa học hợp lý này cũng giúp Công ty nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng như: giảm thời gian chờ đợi nâng/hạ vỏ (do xác định được vị trí chính xác cần nâng hạ Container trên máy tính so với thực tế), giảm thời gian di chuyển của phương tiện vận tải cũng như thiết bị nâng hạ do phải đi tìm container so với việc sử dụng các dịch vụ bãi thông thường (không có phần mềm tìm kiếm vị trí).

Ngoài ra, Công ty chú trọng bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên hiện trường giúp điều phối sản xuất tại bãi thông suốt và giải quyết kịp thời các phát sinh cho khách hàng, chủ xe.

b. Kho và dịch vụ kho

Hệ thống nhà kho và diện tích sử dụng để bảo quản hàng hóa của Công ty lớn nhất khu vực Hải Phòng. Trong đó, Công ty duy trì 3 hệ thống kho bao gồm:

❖ **Kho bảo quản và giao hàng hóa:**

Kho CFS (Container Freight Station): là địa điểm kho được hải quan cấp phép chứng nhận khai thác, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu gửi bằng container. Dịch vụ kho CFS cung cấp cho các khách hàng sự thuận tiện và giảm chi phí về cước đường biển nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho hàng hóa do quy định bảo quản nghiêm ngặt về hàng hóa trong kho.

Công ty đặc biệt chú trọng nâng cao nghiệp vụ thủ tục hải quan, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, đặc biệt chú ý với quản lý khai thác kho CFS và thực hiện tốt các hợp đồng đã ký.

❖ **Kho gom hàng lẻ, hàng rời đường biển:**

Công ty có hệ thống khách hàng ký hợp đồng dài hạn để gom hàng, lưu trữ tại kho, đóng hàng vào container xuất khẩu. Đặc điểm của việc lưu kho, giao nhận loại hàng hóa này là cần sự chính xác tuyệt đối về bao kiện, nhãn mác hàng hóa, cũng như các phương thức đóng hàng sao cho sử dụng được tối đa dung tích container để giảm chi phí. Do hoạt động trong lĩnh vực này trong một thời gian dài nên Công ty đã tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm khai thác xếp dỡ, quy hoạch cũng như quy trình kiểm soát, kiểm đếm hàng hóa và luôn tuân theo các tiêu chí (SOP) khai thác của các khách hàng lớn nên chất lượng dịch vụ luôn được khách hàng đánh giá cao.

❖ **Kho bảo quản hàng dưới hình thức ký hợp đồng ba bên với ngân hàng:**

Cảng cung cấp dịch vụ bảo quản hàng hóa cho các doanh nghiệp thế chấp hàng hóa để vay vốn ngân hàng, tạo thuận lợi cho tiềm lực kinh doanh của khách hàng.

9.1.3. Hoạt động chuyển tải và kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác

Các nghiệp vụ phụ trợ khác là dịch vụ gia tăng cho các hãng tàu/ chủ hàng giao dịch tại cảng bao gồm: dịch vụ cân hàng, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa ...

9.2. Nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào

Với đặc trưng của hoạt động kinh doanh dịch vụ chính là thực hiện xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa, nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu Diesel và dầu mỡ bôi trơn. Tuy nguồn cung ổn định nhưng sự biến động giá cả của xăng dầu trên thị trường quốc tế và trong nước thời gian vừa qua đã có những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, để giảm bớt tác động xấu của những biến động về giá xăng dầu đối với hoạt động kinh doanh, Công ty đã ký kết hợp đồng nguyên tắc cung cấp nhiên liệu có thời hạn 1

năm với các nhà cung cấp có uy tín.

Các nguyên vật liệu và phụ tùng thay thế khác gồm: ốc quy, săm lốp ô tô, săm lốp xe nâng hàng, cần trục RTG, và các thiết bị khác được cân đối giữa việc ký hợp đồng dài hạn nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đấu thầu chào giá cạnh tranh để đảm phán mức chi phí hợp lý.

9.3. Trình độ công nghệ

Chất lượng dịch vụ phụ thuộc phần lớn vào hệ thống máy móc chuyên dụng sẵn sàng phục vụ các hoạt động vận tải, xếp dỡ. Công ty đã đầu tư trang bị hệ thống máy móc thiết bị phụ trợ tương đối hoàn thiện từ tuyến tiền phương đến tuyến hậu phương phù hợp với hàng rời và hàng container, đồng thời ứng dụng hệ thống thông tin quản lý điện tử và hệ thống phần mềm CTMS quản lý bến container tại Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ.

Bảng 13: Phương tiện phục vụ khai thác dịch vụ cảng

STT	Tên phương tiện	Số lượng
<i>Tuyến tiền phương</i>		
1.	Cần trục giàn QC xếp dỡ container, sức nâng 35,6 – 40 tấn	08 chiếc
2.	Cần trục chân đế Sokol, Kondor, Tukan xếp dỡ container, hàng bách hóa, hàng rời, có sức nâng từ 32 – 45 tấn	18 chiếc
3.	Các cần trục chân đế Kirop xếp dỡ hàng rời, hàng bách hóa, có sức nâng từ 5 – 16 tấn	21 chiếc
4.	Cần trục nổi, sức nâng 80 tấn	01 chiếc
<i>Tuyến hậu phương</i>		
5.	Cần trục giàn RTG xếp dỡ hàng container, có sức nâng từ 35,6 – 40 tấn	16 chiếc
6.	Xe nâng hàng ReachStacker xếp dỡ container, có sức nâng từ 40-45 tấn	17 chiếc
7.	Cần trục bánh lốp xếp dỡ hàng bách hóa, có sức nâng từ 35 – 70 tấn	05 chiếc
8.	Xe xúc gạt làm hàng rời	19 chiếc

9.	Xe nâng hàng Sidelift, sức nâng 7 tấn	03 chiếc
10.	Xe nâng hàng Forklift sức nâng từ 3 – 30 tấn	52 chiếc
11.	Xe ô tô đầu kéo vận chuyển container 20', 40' và xe ô tô vận chuyển hàng hóa khác	88 chiếc
Các công cụ xếp dỡ, cân hàng		
12.	Gầu ngoạm cơ khí làm hàng rời dung tích từ 3,5 – 9m ³	74 chiếc
13.	Gầu ngoạm điều khiển từ xa làm hàng rời, dung tích từ 4,5 – 12 m ³	21 chiếc
14.	Cân treo làm hàng rời, trọng tải 30 tấn	19 chiếc
15.	Cân ô tô trọng tải từ 80-120 tấn	06 trạm
16.	Khung cầu container bán tự động loại 20', 40', sức nâng từ 35-50 tấn	46 chiếc
17.	Khung cầu container tự động, sức nâng từ 32-40 tấn	12 chiếc

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.4. Nghiên cứu và phát triển

Cảng Hải Phòng xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng bộ là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể nâng cao chất lượng dịch vụ cảng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác Cảng được Công ty tập trung đầu tư. Công ty hiện đang đầu tư hệ thống tin học đồng bộ với phương tiện thiết bị để quản lý và khai thác bến container tại Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng, và dự kiến sẽ đưa vào sử dụng trong năm 2015.

9.5. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty đảm bảo cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho mọi khách hàng, thông qua việc áp dụng, duy trì và vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 đã được nâng cấp lên phiên bản ISO 9001:2008 (trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT - Việt Nam và tập đoàn SGS của Thụy Sĩ cấp ngày 09/06/2004).

Hiện tại, Phòng An toàn và Quản lý chất lượng của Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát việc thi hành hệ thống chất lượng để đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp.

9.6. Hoạt động Marketing

Công ty chú trọng đến hoạt động marketing để chăm sóc khách hàng hiện tại, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Công ty xác định chất lượng dịch vụ là nhân tố quan trọng nhất để thu hút khách hàng. Do đó, bên cạnh việc liên tục đầu tư thêm phương tiện mới, cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn hàng hóa cho khách hàng, Công ty còn tập trung tăng cường hoàn thiện quy trình quản lý chất lượng ISO, cải tiến tinh giản các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp quản lý điều hành được thông suốt, nâng cao uy tín với khách hàng. Công ty thường xuyên tổ chức việc đối thoại với khách hàng lớn và lắng nghe các ý kiến phản hồi của khách hàng. Công ty còn áp dụng chính sách giá ưu đãi giá đối với những khách hàng thân thiết.

9.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 21202/QĐ-SHTT ngày 16/10/2008 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 111500 cấp ngày 16/10/2008.



❖ Ý nghĩa của logo:

Logo Công ty được thiết kế từ ý tưởng tên viết tắt của Công ty: Cảng Hải Phòng. Nhìn tổng thể, logo mô phỏng hình dáng con tàu tiến về phía trước với hình tượng chữ P là đầu tàu với cần tàu ở đầu, chữ C là móc cần cầu.

9.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Với đặc thù là đơn vị cung cấp dịch vụ cảng, Công ty thường ký 2 loại hợp đồng với khách hàng gồm hợp đồng chuyển và hợp đồng năm. Theo đó, hợp đồng chuyển được tính theo lô hàng được chuyên chở trên tàu biển, áp dụng cho các khách hàng là những khách hàng mới, không thường xuyên, khối lượng hàng hóa không nhiều và chưa có tín nhiệm trên thanh toán. Trong quá trình thực hiện, Công ty làm phiếu báo giá và yêu cầu khách hàng ứng trước 70 – 100% giá trị dự kiến của hợp đồng kinh tế. Sau khi lấy hết hàng từ 5 – 7 ngày, Công ty và khách hàng thanh lý hợp đồng. Hợp đồng năm áp dụng cho tất cả các khách hàng

truyền thống đã có thời gian làm hàng tại cảng từ 3 năm trở lên, có lượng hàng hóa nhiều và có tín nhiệm trong thanh toán. Thời hạn thanh toán đối với hàng ngoài container là 7 ngày sau khi nhận hóa đơn thanh toán. Thời hạn thanh toán đối với hàng container là từ 30 – 45 ngày.

Bảng 14: Danh mục các hợp đồng lớn Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

STT	Đối tác	Loại hàng
1	CTCP DABACO Việt Nam	Thức ăn gia súc
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Mai	Thức ăn gia súc
3	Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Trung Thành	Thức ăn gia súc
4	Chi nhánh CTCP sản xuất thức ăn gia súc PROCONCO	Thức ăn gia súc
5	CTCP hóa chất công nghiệp Tân Long	Thức ăn gia súc
6	CTCP Vận tải I TRACO	Bách hóa
7	Công ty liên doanh Canxi Cacbonat	Bột đá
8	CTCP dịch vụ đường sắt Hải Phòng	Quặng
9	Chi nhánh Công ty TNHH ống thép Hòa Phát	Sắt thép
10	Công ty TNHH MTV Vật tư và Vận tải ITASCO	Sắt thép
11	Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Nam Phát	Sắt thép
12	Công ty TNHH Vận tải Đại Việt Logistics	Thiết bị
13	Chi nhánh CTCP Vận tải đa phương thức – Công ty vận tải đa phương thức 1	Thiết bị
14	NORTHFREIGHT	Đại lý tàu
15	VOSA	Đại lý tàu
16	VIETFRACHT	Đại lý tàu

STT	Đối tác	Loại hàng
17	AGELINES	Đại lý tàu
18	THORASEN VINAMA	Đại lý tàu
19	Mearsk	Container
20	WHI	Container
21	RCL	Container
22	HA	Container
23	Vinafco	Container
24	CMA	Container
25	Dương Đông	Container
26	Biển Đông XNK	Container
27	VTB Nam Triệu	Container
28	Hainan PO	Container

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Hợp đồng trên là các hợp đồng khung và ký theo năm, không xác định trước trước giá trị hợp đồng.

9.9. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Bảng 15: Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 3 năm trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.173.267	1.295.000	1.439.894
2. Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.675.448	1.925.035	1.939.102
3. Giá vốn	Triệu đồng	1.307.727	1.610.137	1.548.117
4. Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	367.721	314.898	390.985
5. Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	22	16	20
6. Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)	Triệu đồng	256.284	315.819	477.401
7. Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Doanh thu	%	15,3	16,4	24,6
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	221.121	266.956	418.737
9. Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu	%	13	14	22
10. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	237.254	293.100	459.566
11. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	219.496	258.659	385.171
12. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	Triệu đồng	75.897	92.626	97.265
13. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Triệu đồng	143.599	166.033	287.906
14. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	18,7	20,0	26,7

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
15. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	13,10	13,44	19,86
16. Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,8	9,2	12,6

Nguồn: BCTC hợp nhất Công ty đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Kết quả kinh doanh hợp nhất nêu trên bao gồm kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng.

Bảng 16: Một số chỉ tiêu tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
1. Tổng giá trị tài sản	2.162.732	2.071.519	2.183.326
2. Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	1.034.781	1.111.681	1.158.706
3. Nợ vay ngắn hạn	114.741	38.795	31.618
4. Nợ vay dài hạn	711.333	620.726	474.264
5. Tổng số lao động (người)	3.557	3.650	3.740
6. Tổng quỹ lương	394.606	481.418	477.380
7. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	9,24	10,99	10,64
8. Tổng doanh thu	1.304.334	1.514.722	1.564.290
9. Giá vốn hàng bán	1.007.177	1.276.245	1.200.561
10. Tổng chi phí gián tiếp khác	231.892	112.717	111.579

11. Lợi nhuận thực hiện	65.266	125.760	252.150
12. Lợi nhuận sau thuế	62.260	104.905	191.166
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn nhà nước	7,8%	11,4%	20,8%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.9.1. Phân tích doanh thu Công ty mẹ

Doanh thu của Công ty mẹ Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng đến từ các nhóm dịch vụ chính gồm (i) phí dịch vụ bốc xếp (ii) phí dịch vụ cho thuê kho/bãi (iii) phí dịch vụ chuyên tải, lai dắt và hỗ trợ tàu cập cảng (iv) doanh thu kinh doanh các dịch vụ phụ trợ khác. Cơ cấu và tỷ trọng doanh thu khá ổn định qua các năm. Cụ thể:

Bảng 17: Cơ cấu doanh thu và thu nhập trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu	2011	%	2012	%	2013	%
Doanh thu thuần	1.202.356	92%	1.372.573	91%	1.358.245	87%
<i>Bốc xếp</i>	<i>959.988</i>	<i>74%</i>	<i>1.015.533</i>	<i>67%</i>	<i>1.112.497</i>	<i>71%</i>
<i>Lưu kho bãi</i>	<i>155.985</i>	<i>12%</i>	<i>281.806</i>	<i>19%</i>	<i>164.346</i>	<i>12%</i>
<i>Chuyên tải</i>	<i>44.045</i>	<i>3%</i>	<i>47.023</i>	<i>3%</i>	<i>41.223</i>	<i>3%</i>
<i>Dịch vụ phụ trợ khác</i>	<i>42.338</i>	<i>3%</i>	<i>28.211</i>	<i>2%</i>	<i>40.179</i>	<i>3%</i>
Doanh thu tài chính	96.083	7%	120.032	8%	169.305	12%
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>53.233</i>	<i>4%</i>	<i>42.340</i>	<i>3%</i>	<i>12.807</i>	<i>1%</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>15.489</i>	<i>1%</i>	<i>53.174</i>	<i>4%</i>	<i>124.194</i>	<i>9%</i>
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>26.516</i>	<i>2%</i>	<i>24.042</i>	<i>2%</i>	<i>25.734</i>	<i>2%</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>846</i>	<i>0%</i>	<i>476</i>	<i>0%</i>	<i>6.569</i>	<i>0%</i>

Doanh thu	2011	%	2012	%	2013	%
Thu nhập khác	5.895	0%	22.117	1%	36.739	2%
Tổng cộng	1.304.334	100%	1.514.722	100%	1.564.290	100%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

a. Doanh thu hoạt động bốc xếp

Đây là hoạt động truyền thống của cảng và mang lại doanh thu lớn nhất cho Công ty. Doanh thu hoạt động bốc xếp tăng dần đều trong 3 năm vừa qua, cụ thể doanh thu hoạt động bốc xếp năm 2012 tăng 6% so với năm 2011, năm 2013 tăng 10% so với năm 2012.

b. Doanh thu hoạt động cho thuê kho, bãi

Năm 2012, doanh thu hoạt động cho thuê kho, bãi đạt mức 282 tỷ đồng tương đương với 19% tổng doanh thu. Sang đến năm 2013, hoạt động kinh doanh kho bãi trở lại với mức trung bình 12% tổng doanh thu và ở mức 164 tỷ đồng.

c. Doanh thu hoạt động chuyển tải phụ trợ khác

Bên cạnh doanh thu từ hoạt động bốc xếp và hoạt động cho thuê kho bãi, Công ty còn có doanh thu từ các hoạt động phụ trợ khác như doanh thu từ hoạt động chuyển tải hàng hóa, doanh thu từ hoạt động cân đếm hàng,... Tỷ trọng đóng góp doanh thu của mảng hoạt động này ổn định trong các năm vừa qua.

d. Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Doanh thu tài chính của Công ty chủ yếu đến từ lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư góp vốn. Năm 2012 và năm 2013, Công ty được hưởng lợi do lãi chênh lệch tỷ giá từ khoản vay ODA bằng JPY khi tỷ giá JPY/VND giảm mạnh, Công ty đã ghi nhận khoản lãi chênh lệch tỷ giá khoảng 52 tỷ đồng và năm 2013 là 124 tỷ đồng. Phần lợi nhuận cổ tức được chia từ phần đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển cảng Đình Vũ cũng đóng góp tỷ lệ lớn vào doanh thu Công ty mẹ. Thu nhập khác là thu nhập từ việc bán phế liệu, thu tiền điện cho thuê, thu xử lý hàng tồn đọng tại cảng... Riêng năm 2013 thu nhập khác phát sinh khoản bất thường 30 tỷ đồng là phần chênh lệch khi đánh giá lại tài sản do Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng.

Chi phí lãi vay giảm mạnh trong năm 2012 – 2013 cùng với xu hướng thị trường chứng khoán khôi phục vào thời điểm cuối năm, các doanh nghiệp đầu tư góp vốn có kết quả kinh doanh hiệu quả đã giúp Công ty hạch toán khoản lãi từ hoạt động đầu tư, đồng thời hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán 6,3 tỷ đồng vào cuối năm 2013. Đây là các yếu tố khiến lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn giữ được mức tăng trưởng so với các năm trước, đặc biệt năm 2013 tăng 82% so với năm 2012.

9.9.2. Phân tích chi phí Công ty mẹ

Bảng 18: Cơ cấu chi phí trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: Triệu đồng

Giá vốn	2011	%	2012	%	2013	%
Giá vốn	1.007.176	81%	1.276.246	92%	1.200.561	92%
<i>Bốc xếp</i>	835.273	67%	1.088.999	78%	1.007.378	77%
<i>Lưu kho bãi</i>	69.288	6%	84.315	6%	74.644	6%
<i>Chuyển tải</i>	41.662	3%	44.471	3%	48.443	4%
<i>Dịch vụ phụ trợ khác</i>	60.953	5%	58.461	4%	70.097	5%
Chi phí tài chính	151.179	12%	14.313	1%	10.558	1%
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	6.300	1%	155	0%		
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	130.780	11%	889	0%	1.638	0%
<i>Lãi vay vốn</i>	14.100	1%	13.269	1%	8.920	1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	80.709	7%	97.800	7%	98.042	7%
Chi phí khác	4	0%	604	0%	4.696	0%

Giá vốn	2011	%	2012	%	2013	%
Tổng cộng	1.239.068	100%	1.388.963	100%	1.312.140	100%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

a. Giá vốn của hoạt động bốc xếp

Cơ cấu giá vốn của hoạt động bốc xếp bao gồm: Chi phí lương nhân viên trực tiếp sản xuất và các chế độ đãi ngộ cho nhân viên (chiếm tỷ trọng từ 40% đến 45% tổng giá vốn bốc xếp), chi phí khấu hao tài sản cố định (chiếm tỷ trọng từ 25% đến 30%), chi phí nguyên, nhiên liệu (chiếm từ 10% đến 13%), còn lại là các chi phí thuê ngoài, sửa chữa và các chi phí khác. Các chi phí này có xu hướng tăng tuy nhiên mức tăng lớn hơn khả năng tăng phí dịch vụ của Công ty do mức độ cạnh tranh trong tại khu vực khá cao khiến cho lợi nhuận gộp của mảng hoạt động này có xu hướng sụt giảm trong 2 năm trở lại đây.

b. Giá vốn của hoạt động kho bãi

Hoạt động này mang lại hiệu quả lớn cho Công ty khi tỷ trọng lợi nhuận gộp luôn đạt trên 60% doanh thu cho thuê kho bãi. Cơ cấu giá vốn của hoạt động cho thuê kho bãi bao gồm: Chi phí lương nhân viên trực tiếp sản xuất và các chế độ đãi ngộ cho nhân viên (chiếm tỷ trọng từ 65% đến 70% tổng giá vốn hoạt động kho bãi), chi phí khấu hao tài sản cố định (chiếm tỷ trọng từ 12% đến 14%), chi phí nguyên, nhiên liệu (chiếm từ 4% đến 5%), còn lại là các chi phí thuê ngoài, sửa chữa và các chi phí khác.

c. Giá vốn của hoạt động chuyên tải, và dịch vụ phụ trợ khác

Cơ cấu giá vốn của các hoạt động này khá ổn định, không có nhiều biến động, chủ yếu là chi phí lương công nhân trực tiếp và chi phí thuê ngoài. Một phần hoạt động này được giao cho các công ty con thực hiện. Hiệu quả hoạt động này không cao, chủ yếu là cung cấp các dịch vụ gia tăng cho khách hàng.

d. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm 2010, 2011 đặc biệt cao khi Công ty đánh giá lại khoản vay dài hạn từ nguồn vốn ODA bằng JPY trong bối cảnh tỷ giá JPY/VND tăng cao trong 2

năm này. Sang năm 2012, tỷ giá JPY/VND giảm mạnh khiến cho chi phí này đã giảm đáng kể so với 2 năm trước.

Chi phí lãi vay cũng giảm khi Công ty cắt giảm dư nợ vay ngắn hạn và vay dài hạn ngân hàng trong năm 2012, và năm 2013 cùng với việc lãi suất cho vay đã giảm trong điều kiện kinh tế vĩ mô đã ổn định hơn các năm trước.

e. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp khá ổn định trong tổng chi phí, bằng việc kiểm soát chặt, mức chi phí này luôn được duy trì ở mức 7 - 8% doanh thu.

9.9.3. Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp của Công ty mẹ

a. Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế, sau thuế

Bảng 19: Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ 3 năm trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.034.781	1.111.681	1.158.706
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.202.356	1.372.573	1.358.245
Giá vốn	Triệu đồng	1.007.177	1.276.245	1.200.561
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	195.179	96.328	157.684
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	16,2%	7,0%	12%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.266	125.760	252.150
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	62.260	104.905	191.166
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROA)	%	6,0%	9,4%	16,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROE)	%	5,2%	7,6%	14,1%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013 - Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Trong 3 năm qua, sản lượng hàng hóa qua cảng luôn tăng trưởng trên 10%, doanh thu tăng trưởng 14%/năm nhưng mức lợi nhuận gộp lại giảm mạnh trong năm 2012 (giảm 51% so với 2011). Nguyên nhân chính của sự biến động lợi nhuận gộp là do cơ cấu hàng rời/hàng bách hóa vẫn chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 27% tổng sản lượng hàng hóa qua cảng) trong khi chi phí trực tiếp cho các dịch vụ bốc xếp, kiểm đếm, giao nhận mặt hàng này tăng mạnh đặc biệt là chi phí lương, chế độ đãi ngộ cho nhân viên trực tiếp sản xuất, chi phí công cụ dụng cụ tăng bình quân 14%/năm, chi phí vật liệu công cụ dụng cụ tăng 19%/năm, chi phí khác gồm chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, thuê phương tiện và chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng 47%/năm. Đồng thời, trong năm 2012, Công ty đã đưa vào sử dụng hàng loạt tài sản cố định tại Tân Cảng, cảng Hoàng Diệu, Chùa Vẽ cùng với việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của một số tài sản khiến chi phí khấu hao tăng mạnh (57% so với năm 2010, 2011). Năm 2013, tỷ suất lợi nhuận gộp đã được cải thiện ở mức 12%/năm. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng đều trong giai đoạn 2011- 2013 cho dù có những biến động bất lợi về chi phí là do lợi nhuận đến từ lãi chênh lệch tỷ giá do tỷ giá đồng yên giảm mạnh giai đoạn 2012 – 2013.

b. Chỉ tiêu tài chính

Bảng 20: Một số chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ giai đoạn 2012 - 2013

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)	Triệu đồng	79.365	139.029	261.070
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)/Doanh thu	%	7	10	19
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	59.374	104.247	220.107
Tỷ suất lợi nhuận thuần/Doanh thu	%	5	8	16
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	62.260	104.905	191.166
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	6	9	16,5
Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3	5	9

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.9.4. Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

Bảng 21: Chi tiết các khoản nợ vay

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	21/12/2013
Vay ngắn hạn	72.898	-	-
<i>Vay ngân hàng</i>	72.898	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	41.843	38.795	31.618
Vay và nợ dài hạn	711.333	620.726	474.264
<i>Vay ngân hàng</i>	-	-	-
<i>Vay đối tượng khác (nguồn vốn ODA)</i>	711.333	620.726	474.264

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Hiện tại, Công ty đang có khoản nợ vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/2004/TDNN ngày 21/12/2004 giữa Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Hải Phòng - dự án 000336671 cải tạo nâng cấp cảng Hải Phòng trị giá 4.105.000.000 JPY. Lãi suất vay 1,3%/năm, trả nợ 2 kỳ/năm (đến năm 2029).

Theo văn bản số 1966/VPCP-KTN ngày 25/03/2014 của Văn Phòng Chính Phủ, Chính Phủ đã chấp thuận cho Cảng Hải Phòng đưa giá trị cầu cảng số 4 và số 5 (Khu vực Chùa Vẽ) vào hạch toán tăng tài sản và Cảng Hải Phòng và giao cho Bộ Giao thông Vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các cầu cảng của Cảng Hải Phòng, đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều kiện của Hiệp định vay vốn đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài. Giá trị cầu cảng số 4, số 5 cần được quyết toán và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về phương án khai thác, sử dụng và phương án trả nợ vay, lãi vay. Khi đó, Cảng Hải Phòng sẽ phải hạch toán tăng số khoản nợ vay theo giá trị thực tế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty không có Nợ quá hạn và Nợ phải thu khó đòi.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Bảng 22: Số thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.422	40.297
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	3.344
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	603	11.605	10.934
Thuế khác	-	-	1.281
Tổng cộng	603	16.027	55.951

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2011, 2012, 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.9.5. Cơ cấu vốn, tài sản và biến động của vốn chủ sở hữu tại Công ty mẹ

Bảng 23: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	%	31/12/2012	%	31/12/2013	%
Tài sản ngắn hạn	521.629	24%	582.271	28%	726.241	33%
Tài sản dài hạn	1.641.102	76%	1.489.248	72%	1.457.085	67%
Tổng tài sản	2.162.732		2.071.519		2.183.116	
Nợ ngắn hạn	402.122	19%	339.112	16%	550.356	25%
Nợ dài hạn	725.829	34%	620.726	30%	474.264	22%
Vốn chủ sở hữu	1.034.781	48%	1.111.681	54%	1.158.706	53%
Tổng nguồn vốn	2.162.732	100%	2.071.519	100%	2.183.326	100%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC năm 2013

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

9.9.6. Hoạt động Đầu tư phát triển

Công ty luôn chú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng cảng, thiết bị và công cụ xếp dỡ đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng trong những năm qua. Các dự án đầu tư đều được cân nhắc, tính toán kỹ về lộ trình, nguồn vốn sử dụng đảm bảo hiệu quả và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

a. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách

Dự án Cải tạo nâng cấp Cảng Hải phòng giai đoạn khẩn cấp và giai đoạn II sử dụng nguồn vốn ODA của Nhật Bản đã hoàn thành (năm 2007) giúp hình thành khu cảng container chuyên dùng Chùa Vẽ đầu tiên ở khu vực phía Bắc với 5 cầu tàu. Nhờ việc đầu tư đồng bộ cả luồng tàu vào cảng, hệ thống cầu bến, kho, bãi và thiết bị xếp dỡ, công nghệ thông tin nên cảng container Chùa Vẽ ngay sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả, vượt công suất thiết kế, kịp thời đáp ứng nhu cầu tăng trưởng rất nhanh của mặt hàng container trong các năm gần đây. Cảng container Chùa Vẽ có công suất thiết kế là 460.000 TEU nhưng sản lượng đã đạt trên 500.000 TEU, đặc biệt năm 2011 đạt 630.000 TEU (chiếm trên 50% sản lượng container của Cảng Hải Phòng).

Tổng mức đầu tư của dự án Cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng giai đoạn khẩn cấp và giai đoạn II sử dụng nguồn vốn ODA của Nhật Bản là 2.432 tỷ đồng, vốn vay là 5 tỷ Yên Nhật tương đương 620 tỷ đồng tại thời điểm vay. Tổng mức đầu tư riêng trong năm năm từ 2007-2011 là 465,8 tỷ đồng, trong đó: 43 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, 422,8 tỷ đồng từ nguồn vốn vay.

b. Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn từ khấu hao và lợi nhuận của Công ty

Công ty đã sử dụng nguồn vốn này để đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng, thiết bị xếp dỡ, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại. Tổng kinh phí thực hiện trong giai đoạn từ năm 2007 - 2012 là 1.687 tỷ đồng, trong đó, tập trung đầu tư chiều sâu tại khu vực Hoàng Diệu và đầu tư phát triển mở rộng tại Đình Vũ, cụ thể:

❖ Cảng Hoàng Diệu:

- Đầu tư cải tạo 6 cầu tàu cải thiện năng lực tiếp nhận tàu chỉ có trọng tải tối đa 10.000 DWT lên tàu có trọng tải 30.000-40.000DWT neo cập.
- Đầu tư thêm thiết bị xếp dỡ, nâng khả năng thông qua hàng hóa có sản lượng tối đa từ 2,2 triệu tấn/năm lên đến 7 triệu tấn/năm.

❖ **Dự án Cảng Đình Vũ:**

- Đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thực hiện giai đoạn 1 dự án Cảng Đình Vũ xây dựng 2 bến tàu.
- Từ năm 2006-2012, Công ty đã tiếp tục góp vốn đầu tư vào dự án Cảng Đình Vũ giai đoạn 2 và 3 gồm 5 bến tàu, 20 ha bãi.
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ đang tiếp tục đầu tư kho, bãi hàng và các công trình phụ trợ của dự án theo kế hoạch.

Bảng 24: Giá trị đầu tư qua các năm

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	2011	2012	2013
Kinh phí đầu tư	349,4	360,2	189,27

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, 2014

9.10. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

9.10.1. Yếu tố thuận lợi

- Cảng Hải Phòng là Cảng biển lớn nhất khu vực phía bắc với bề dày 128 năm hình thành và phát triển, là doanh nghiệp giàu kinh nghiệm nhất trong ngành khai thác cảng. Với công suất khai thác lớn. Về cầu cảng, Cảng Hải Phòng có 13 cầu cảng làm hàng containers trong tổng số 24 cầu cảng làm hàng containers trong khu vực Hải Phòng, là một trong những cảng duy nhất còn khả năng công suất mở rộng kinh doanh, đón khách hàng mới. Trong số các Cảng biển nằm dọc cửa sông Cấm, Cảng Hoàng Diệu là cũng là cảng lớn nhất, có đủ cơ sở vật chất và nhân lực khai thác làm hàng rời. Đây là nhân tố quan trọng giúp Cảng Hải Phòng duy trì uy tín, có nguồn khách hàng ổn định và lâu dài.

- Cảng Hải Phòng quyết liệt đẩy mạnh những dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đưa vào khai thác nâng cao quy mô và năng suất khai thác.

- Công tác xây dựng giá cước, theo dõi giá thành đã được tiến hành thường xuyên và có những điều chỉnh kịp thời, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh của Cảng Hải Phòng trên thị trường.

- Việt Nam là một nước đang trong giai đoạn phát triển với một thể chế chính trị được đánh giá ổn định và hệ thống cơ sở hạ tầng chưa được hoàn thiện và đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Trong những năm gần đây, tuy chịu tác động mạnh của tình hình kinh tế khó khăn làm ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân trên đầu người, Chính phủ Việt Nam đã kịp thời thực hiện các chính sách đồng bộ nhằm tháo gỡ những khó khăn đang diễn ra, đặc biệt chú trọng vào việc thúc đẩy hoạt động sản xuất, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, kiểm soát chặt chẽ những biến động về lãi suất và cho vay để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong một báo cáo đầu năm 2014 của Ngân hàng ANZ, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến sẽ đạt 5,6%, tăng 0,16% so với tốc độ tăng trưởng năm 2013. Theo báo cáo Tổng cục Thống kê, năm 2013, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 264,26 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2012. Sang năm 2014, tính lũy kế 2 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 41,4 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm 2013. Đây là nguồn phát triển lớn cho các doanh nghiệp lĩnh vực xuất nhập khẩu, vận tải và đặc biệt là cảng biển.

Bảng 25: Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2011 – 2013

Đơn vị: tỷ USD

	2011	2012	2013
Kim ngạch xuất khẩu	96,91	114,57	132,13
Kim ngạch nhập khẩu	106,75	113,79	132,13
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	203,66	228,36	264,26
% tăng trưởng	30%	12%	16%

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

9.10.2. Yếu tố bất lợi

- Khu vực Hải Phòng hiện có 36 cảng với các quy mô khác nhau thu hút lượng khách hàng lớn của Công ty, trong đó nhiều cảng có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại. Một số cảng có vốn góp của các công ty vận tải, đại lý tàu biển, vì vậy, có lợi thế lớn về khả năng thu hút nguồn khách hàng ổn định. Với cơ chế thị trường và tự do, những cảng nhỏ hơn đưa ra những chính sách giá và dịch vụ cạnh tranh, gây nhiều sức ép lên giá cước và doanh thu khai thác của Cảng Hải Phòng.

- Là một doanh nghiệp do Nhà nước nắm vốn chi phối, Cảng Hải Phòng có trách nhiệm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - chính trị, an ninh quốc phòng khi phải tổ chức tiếp nhận các loại tàu, mặt hàng không có doanh thu hoặc chi phí khai thác cao nhưng giá cước thấp như tàu quân sự, tàu chở thức ăn gia súc, hàng rời các loại, phân bón, máy móc thiết bị ... Các hoạt động này không mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty nhưng có ý nghĩa an ninh - xã hội, thúc đẩy sự phát triển chung của nền kinh tế toàn khu vực. Tuy nhiên, duy trì hoạt động khai thác đối với hàng rời, hàng bách hóa phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - chính trị, an ninh quốc phòng là gánh nặng không nhỏ lên lợi nhuận và chi phí hoạt động của Cảng Hải Phòng.

- Tình hình kết nối giao thông cảng biển tại khu vực Hải Phòng tiếp tục khó khăn, luồng vào cảng không được nạo vét đầy đủ, tuyến đường bộ sửa chữa chưa hoàn thành, các hạn chế và sự xuống cấp của hệ thống đường sắt trong cảng chưa được khắc phục. Hệ thống thiết bị, cơ sở hạ tầng của cảng, mặc dù đã được đầu tư nâng cấp sửa chữa nhưng vẫn chưa đáp ứng kịp các yêu cầu của thị trường và khách hàng. trong dài hạn, tuyến đường quốc lộ 5B mới sẽ giúp cải thiện đáng kể giao thông khu vực, mở rộng năng suất khai thác cho Cảng Hải Phòng.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của công ty trong ngành

Cảng Hải Phòng là doanh nghiệp đứng đầu về quy mô và năng lực khai thác trong tổng số 9 đơn vị khai thác cảng lớn đang hoạt động dọc sông Cẩm, nắm nhiều lợi thế trong ngành như: vị trí, quy mô, kinh nghiệm, thương hiệu ...

❖ Vị trí cửa ngõ, đầu mối giao thông quan trọng của cả nước

Hải Phòng là thành phố cảng, cửa ngõ giao thương đường biển lớn nhất miền Bắc. Cảng Hải Phòng là cảng tổng hợp quốc gia, cửa ngõ quốc tế loại IA. Dọc sông Cẩm, Tân Cảng của Cảng Hải Phòng nằm ở đầu cửa sông, là vị trí thuận lợi nhất đón tàu vào xếp dỡ.

Về kết nối giao thông đường bộ, Cảng Hải Phòng có các đầu mối giao thông trọng điểm:

- Hà Nội – Hải Phòng: Đường 5
- Hải Phòng – Thái Bình – Nam Định: Đường 10
- Hải Phòng – Quảng Ninh: Đường 18

Hệ thống đường bộ này đóng một vai trò quan trọng trong việc lưu thông hàng hóa giữa Cảng Hải Phòng và vùng hậu phương miền Bắc Việt Nam.

Về kết nối đường sắt, Cảng Hải Phòng là cảng duy nhất tại Việt Nam có hệ thống đường sắt kết nối trực tiếp đến Cảng. Hiện tại, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam khai thác các chuyến đường sắt với lịch chạy hàng ngày tuyến Hải Phòng – Hà Nội và 2 ngày một chuyến vận chuyển hàng hóa giữa Hải Phòng và Lào Cai (sát biên giới Vân Nam – Trung Quốc).

Về kết nối đường thủy, xà lan có trọng tải đến 1.000 tấn có thể vận chuyển hàng hóa thông qua mạng lưới đường sông giữa Hải Phòng và Quảng Ninh (sát biên giới Đông Nam Trung Quốc) và vận chuyển ngược lên thượng lưu các tỉnh nằm ở phía Bắc Hải Phòng.

❖ Dẫn đầu về năng lực sản xuất và thị phần

Cảng Hải Phòng giữ vai trò là cảng chủ đạo, dẫn đầu khu vực, thị phần của Cảng Hải Phòng trong khu vực ở mức **35-40%**. Dự báo đến hết năm 2015, các cảng khu vực Hải Phòng đạt 55 triệu tấn với mức tăng trưởng bình quân đạt 8%/ năm thì thị phần của Cảng Hải Phòng đạt 37% tương đương 20,5-21,0 triệu tấn hàng thông qua Cảng (tăng bình quân 5%/ năm).

Về năng lực cảng, Cảng Hải Phòng đang khai thác 13 cầu cảng làm hàng containers trong tổng số 24 cầu cảng làm hàng container trong khu vực Hải Phòng, là một trong những cảng duy nhất còn khả năng công suất mở rộng kinh doanh, đón khách hàng mới. .

❖ Thương hiệu lâu năm trên thị trường

Cảng Hải Phòng với 128 năm hình thành và phát triển đã tạo dựng tên tuổi vững chắc trong ngành khai thác cảng biển và là đối tác quan trọng của các hãng vận tải lớn. Cảng Hoàng Diệu là một trong những cảng duy nhất còn thực hiện làm hàng rời, hàng bách hóa với công suất lớn. Tuy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh này còn hạn chế nhưng có đóng góp tích cực trong việc mở rộng ảnh hưởng của Công ty trên thị trường, duy trì những khách hàng lớn và xây dựng hình ảnh Công ty năng động, cung cấp dịch vụ trọn gói về ngành khai thác cảng.

❖ Cơ sở hạ tầng và thiết bị kỹ thuật hoàn chỉnh

Cảng Hải Phòng có tổng diện tích 343.565m² kho bãi container và tổng diện tích 141.455 m² kho bãi hàng bách hóa sử dụng 16 cần trục giàn RTG xếp dỡ hàng container có hệ thống lái tự động và định vị container trên bãi bằng công nghệ DGPS, và nhiều xe nâng

hàng Reachstacker, Sidelift, Forklift. Đây là nền tảng hậu phương nhiều lợi thế cho công tác khai thác cảng.

Về cầu cảng, Cảng Hải Phòng có tổng cộng 21 cầu trong đó 13 cầu làm hàng container và 8 cầu là hàng bách hóa, hàng rời với tổng chiều dài cả 3 cảng là hơn 3,5 km. Tại đây, Cảng Hải Phòng trang bị 08 chiếc trục giàn QC xếp dỡ container sức nâng đến 40 tấn, 01 cần trục nổi sức nâng 80 tấn và nhiều cần trục chân đế, khung cầu container.

Để tận dụng tối đa năng lực khai thác, Cảng Hải Phòng đã và đang tiếp tục trang bị hệ thống thông tin tin học đồng bộ (MIS và phần mềm quản lý container CTMS) để quản lý, khai thác hiệu quả bến bãi.

❖ **Lực lượng lao động**

Với quy mô lao động hơn 3800 nhân viên, Cảng Hải Phòng có số lượng lao động lớn nhất trong khu vực. Đội ngũ nhân sự của Cảng Hải Phòng được đào tạo bài bản về nghiệp vụ, với 24% có trình độ đại học và trên đại học. Cảng Hải Phòng thành lập riêng một trường Trung cấp đào tạo nghiệp vụ cho các lao động phổ thông. Bên cạnh đó, số lượng lớn lao động phổ thông của Cảng Hải Phòng là nguồn lực chủ yếu trong mảng khai thác làm hàng rời, hàng bách hóa. Nhân sự Cảng Hải Phòng có trung bình 16 năm kinh nghiệm trong doanh nghiệp.

❖ **Đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm trong nghề**

Với bề dày 128 năm thành lập và phát triển, Cảng Hải Phòng là đơn vị có thâm niên nhất trong ngành. Các lãnh đạo chủ chốt tại Cảng Hải Phòng đều có ít nhất 20 năm làm việc trong lĩnh vực cảng biển và vận tải biển. Đội ngũ quản lý ở cấp độ trưởng phòng trở lên đều có trên 15 năm kinh nghiệm. Với năng lực và kinh nghiệm của mình, lãnh đạo Cảng Hải Phòng đóng vai trò chủ chốt trong sự phát triển và lớn mạnh của doanh nghiệp.

10.2. Triển vọng phát triển ngành

Sự tăng trưởng của sản lượng hàng hoá thông qua cảng biển Việt Nam nói chung, các cảng khu vực Hải phòng nói riêng phụ thuộc vào sự ổn định chính trị và tăng trưởng của kinh tế quốc tế, kinh tế trong nước, sự phát triển của ngành hàng hải và đội tàu vận tải biển thế giới và trong nước. Những năm vừa qua, dù có nhiều biến động và khó khăn, kinh tế trong nước đều đạt mức tăng trưởng GDP bình quân trên 5%. Theo Quy hoạch phát triển hệ thống Cảng biển Việt Nam và Quy hoạch chi tiết nhóm cảng phía Bắc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, dự kiến lượng hàng thông qua toàn bộ hệ

thông cảng biển như sau:

Bảng 26: Dự kiến lượng hàng thông qua cảng biển đến năm 2030

Sản lượng (triệu tấn)	2015	2020	2030
Toàn hệ thống (cả nước)	500 ÷ 600	900 ÷ 1.000	1.600 ÷ 2.100
Nhóm Cảng biển phía Bắc (Quảng Ninh – Ninh Bình)	86 ÷ 90	118 ÷ 163	242 ÷ 313

Nguồn: Quy hoạch phát triển hệ thống Cảng biển Việt Nam và Quy hoạch chi tiết nhóm cảng phía Bắc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Theo quy hoạch trên, Hải Phòng là cảng tổng hợp quốc gia, cảng cửa ngõ quốc tế (IA) gồm 2 khu chức năng:

- Lạch Huyện: là khu bến chính của cảng, sẽ được sử dụng làm hàng tổng hợp, container xuất nhập khẩu trên tuyến biển xa cho tàu trọng tải tới 100.000 DWT, 4.000 ÷ 6.000 TEU.
- Đỉnh Vũ: chủ yếu làm hàng tổng hợp, container trên tuyến biển gần, có bến chuyên dùng cho tàu 20.000 ÷ 30.000 DWT (giảm tải).

Trong đó, khu bến Lạch Huyện với Dự án Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng là một trong những dự án trọng điểm được ưu tiên đầu tư trong giai đoạn sắp tới.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Với kế hoạch đầu tư chiều sâu và giai đoạn 2 và 3 tại Tân Cảng và dự án mở rộng tại khu cảng Lạch Huyện – Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, Cảng Hải Phòng sẽ khai thác song song tại cả 2 khu vực Cảng. Ngoài ra, Cảng Hải Phòng sẽ tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực để mở rộng khả năng khai thác cảng. Các cảng tư nhân trong khu vực Hải Phòng hiện nay đã khai thác gần hết công suất, vì vậy, các kế hoạch đầu tư, mở rộng của Cảng Hải Phòng là phù hợp với dự báo tăng trưởng kinh tế, giao thương trong tương lai và phù hợp với định hướng phát triển cảng biển đã được Chính phủ phê duyệt.

II. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

- Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nhằm mục tiêu chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu, thay đổi tổ chức quản lý điều hành và phương thức quản trị, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn và các hình thức huy động vốn đa dạng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa.
- Xây dựng Cảng Hải Phòng trở thành doanh nghiệp khai thác cảng với quy mô và hiệu quả hàng đầu khu vực. Cùng với sự hỗ trợ của các nhà đầu tư, Cảng Hải Phòng phấn đấu mở rộng mạng lưới khách hàng để có thể khai thác hiệu quả cơ sở vật chất thiết bị sẵn có và sẽ đầu tư sau này.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của tổ chức và cá nhân trong nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.
- Đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty và các đơn vị thành viên sau cổ phần hóa.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV một thành viên Cảng Hải Phòng là **bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp**.

4. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ: Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Tên giao dịch quốc tế: Port of Haiphong Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Cảng Hải Phòng/ Port of Haiphong
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Vốn điều lệ 3.269.600.000.000 đồng (Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ giao dịch: Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 031.3859945
- Fax: 031.3859973
- Website: haiphongport.com.vn
- Logo:



- Hình thức pháp lý:

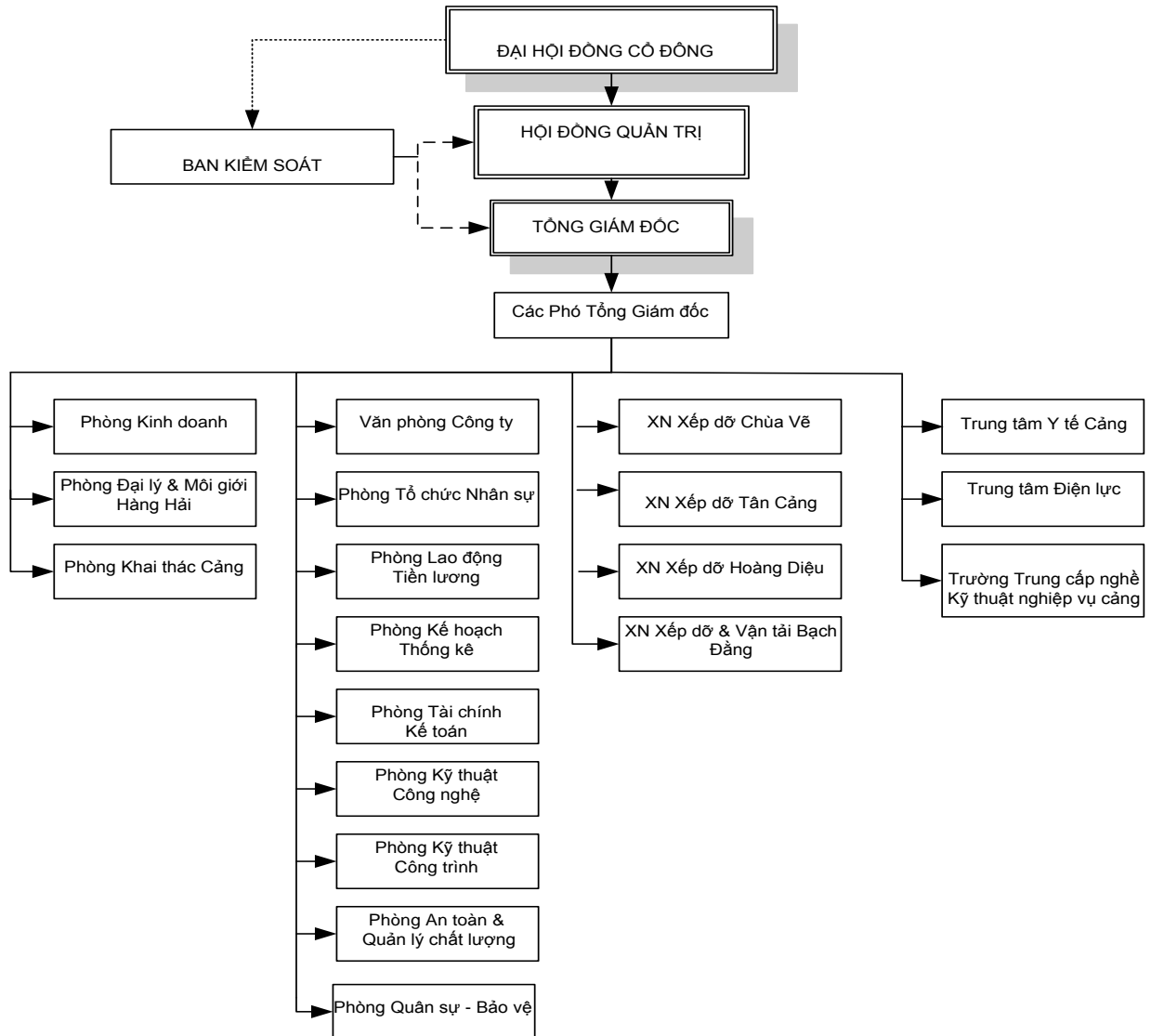
Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của công ty cổ phần và Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

5. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container	3319
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
11	Giáo dục nghề nghiệp	8532
12	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
13	Lai dắt và hỗ trợ tàu biển	5222
14	Sửa chữa thiết bị	3312
15	Sửa chữa cơ sở hạ tầng	4290
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ	5610
17	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp...)	5621
18	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
19	Và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua.	

6. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ sau cổ phần hóa

Hình 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa



Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay

mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý theo phân công, ủy quyền của Tổng giám đốc và thực hiện các nhiệm vụ khác khi có nhu cầu bổ sung. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

Các Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc bằng việc trực tiếp chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực:

- Xây dựng cơ bản, đầu tư cơ sở hạ tầng, an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống lụt bão;
- Quản lý khai thác, điều hành sản xuất của Công ty gồm: xây dựng kế hoạch và điều hành sản xuất, khai thác cảng, tổ chức bố trí, điều động tàu, phương tiện ra vào các khu vực xếp dỡ của cảng (bao gồm cả trong cầu và khu Cảng chuyên tải);
- Công tác lao động, tiền lương, chế độ chính sách, hành chính, văn phòng, tuyên truyền, báo chí, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, y tế, quân sự - bảo vệ, và các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong Công ty;
- Kinh doanh, tiếp thị, kho hàng, giao nhận vận chuyển, đóng gói hàng hóa;
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ, sửa chữa cơ khí, mua sắm nguyên nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng thiết bị.

Các phòng, ban chức năng và các đơn vị phụ thuộc sau khi cổ phần hóa sẽ không thay đổi so với trước cổ phần hóa. Tuy nhiên, Công ty sẽ xem xét thay đổi cơ cấu tổ chức theo tình hình hoạt động, phù hợp với xu thế phát triển của các doanh nghiệp.

Cơ cấu tổ chức trên chưa bao gồm các tổ chức Đảng, Đoàn thể theo quy định của pháp luật.

7. Cơ cấu sở hữu của Công ty với các đơn vị thành viên

Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ nắm giữ vốn cổ phần tại các công ty, đơn vị thành viên như sau:

Bảng 27: Danh sách công ty có vốn góp của công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng sau cổ phần hóa

Các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	
1	CTCP Lai dắt và vận tải Cảng Hải Phòng
2	CTCP Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ
Các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nắm giữ từ 36% vốn điều lệ trở lên	
1	CTCP Vinalines Đông Bắc
2	CTCP đầu tư phát triển dịch vụ Cảng Hải Phòng
Các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ	
1	CTCP Logistics Cảng Sài Gòn
2	CTCP đầu tư và thương mại Hàng hải Hải Phòng
3	Trường cao đẳng nghề Hàng Hải Việt Nam
4	CTCP vận tải Container Đông Đô
5	Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam
6	CTCP tin học và công nghệ Hàng Hải
7	CTCP Vinalines Logistics
8	CTCP Chứng khoán Hải Phòng

Sau khi cổ phần hóa, Công ty dự kiến giữ lại khoản đầu tư tại các công ty trên

50% và các khoản đầu tư tại các công ty hoạt động kinh doanh hiệu quả. Các khoản góp vốn còn lại, Công ty sẽ xem xét đưa ra lộ trình thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả về mặt tài chính hoặc không phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

8. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư của Công ty mẹ sau khi cổ phần hoá

8.1. Chiến lược phát triển doanh nghiệp

Cảng Hải Phòng đặt mục tiêu trở thành đơn vị dẫn đầu không chỉ về quy mô sản xuất mà còn về hiệu quả lợi nhuận và là đối tác đáng tin cậy của các khách hàng lớn, đặc biệt là các hãng vận tải trong và ngoài nước. Để đảm bảo vị thế của mình trên thị trường đồng hành cùng với sự phát triển của nền kinh tế và quy hoạch chung của Nhà nước, Cảng Hải Phòng đã đưa ra chiến lược phát triển dựa trên hai yếu tố chủ yếu là (i) đầu tư chiều sâu với những Cảng hiện đang có và vẫn còn nhiều tiềm năng khai thác và (ii) mở rộng quy mô phù hợp với Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam theo quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 và Phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển phía Bắc đến năm 2020 định hướng đến năm 2020 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009, khu vực Hoàng Diệu - Lê Thánh Tông thuộc khu dân cư đô thị hạn chế phát triển và từng bước sẽ phải di dời các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng, cảng biển để dành đất xây dựng thương mại dịch vụ, công cộng và bổ sung cây xanh. Đất phần cảng ven sông Cấm sẽ di dời sẽ dành cho phát triển khu chức năng đô thị, ưu tiên công trình thương mại dịch vụ công cộng, cây xanh, văn phòng, thương mại. Theo đó, Cảng Hải Phòng sẽ hợp tác với các đối tác có năng lực kinh doanh và thương mại tìm kiếm cơ hội phát triển dịch vụ nhà ở, trung tâm thương mại tại khu vực này, dựa trên tài sản đang có của mình. Về khai thác cảng, Công ty sẽ di dời tài sản tại Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu sang Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ và Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng. Cảng Hoàng Diệu, hiện đang là cảng duy nhất làm hàng rời. Để duy trì hoạt động khai thác này, Cảng Hải Phòng sẽ đưa các phương tiện khai thác tại Cảng Hoàng Diệu sang các cảng ở khu vực Đình Vũ và Cảng Chùa Vẽ, đồng thời, tập trung phát triển khai thác làm hàng container ở Tân Cảng Hải Phòng.

Xí nghiệp xếp dỡ Chùa Vẽ đã đầu tư xây dựng hệ thống cầu bãi, phương tiện xếp dỡ hiện đại bằng nguồn vốn ODA, và là một trong những bến cảng container hiện đại ở khu vực miền Bắc với tổng chiều dài bến là 848m. Tuy nhiên hiện nay luồng hàng hải không có vũng quay tàu, Cảng Hải Phòng đã đề nghị và được Bộ GTVT, Cục HHVN chấp thuận thiết lập một vũng quay bằng kinh phí đầu tư của Cảng. Sau khi hoàn thành Cảng sẽ bàn giao cho Cục Hàng hải Việt Nam để quản lý và bố trí kinh phí duy tu hàng năm. Trên cơ sở kế hoạch di dời Xí nghiệp xếp dỡ Hoàng Diệu, Công ty tiếp tục đầu tư kéo dài 84m bến lên thượng lưu để cùng với 66m bến hình thành 1 bến tàu dài 150m cho tàu 10.000DWT.

Cảng Hải Phòng tiếp tục thực hiện đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực xếp dỡ tại Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng đến năm 2015 sẽ hoàn chỉnh toàn bộ, lượng container thông qua cảng đạt khoảng 1 triệu TEUs (năm 2013 là 513.000 TEUs).

Đối với việc mở rộng quy mô cảng, trong năm tới, Cảng Hải Phòng hợp tác cùng CTCP Hóa dầu quân đội (MIPEC) xây dựng Cảng MIPEC gồm 2 cầu tàu 20.000DWT tại khu kinh tế Đình Vũ. Trong dài hạn, Cảng Hải Phòng, được sự thống nhất và khuyến khích của Bộ GTVT, UBND Thành phố Hải Phòng, sẽ trình các cấp xem xét chủ trương và thủ tục đầu tư xây dựng các bến tàu tại khu vực dự án Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hàng hóa, giữ vững thương hiệu Cảng Hải Phòng trên cơ sở bề dày truyền thống quản lý, khai thác cảng với lực lượng hơn 3000 cán bộ công nhân viên lành nghề trong việc xếp dỡ hàng hóa và vận hành khai thác cảng.

Ngoài ra, Cảng Hải Phòng sẽ tăng cường đầu tư áp dụng kỹ thuật công nghệ trong khai thác cảng như hiện đại hóa đồng bộ hệ thống Công nghệ Thông tin, bao gồm triển khai thực hiện các giải pháp phần mềm và hạ tầng kỹ thuật – thiết bị, chuyên phục vụ công tác quản lý, khai thác cảng container.

8.2. Kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

a. Tổng nhu cầu đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa

Bảng 28: Nhu cầu đầu tư của Công ty sau cổ phần hóa

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	2014	2015	2016	2017	2018
I.	Cơ sở hạ tầng	209.300	262.609	73.684	11.000	26.000
1	Hoàn thiện Cảng Đình Vũ giai đoạn II	10.000	20.000			
2	Cảng Đình Vũ giai đoạn III	50.000	20.000			
	Gói 5B-Hệ thống điện sau bến 7	20.000				
	Gói 5C-Đường, bãi, hệ thống cấp thoát nước	30.000				
3	Nhà đội cơ giới, cần trục và bãi hậu phương 3,4 giai đoạn 2 Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng.	25.000	21.066			
	Gói XL1 - Nhà đội cơ giới	10.000				
	Gói XL2 - Nhà đội cần trục	10.000				
	Hệ thống cấp điện và bãi HP cầu 3,4 giai đoạn II.	5.000				
4	Bãi hậu phương bến 5,6 Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng	27.000	50.000	43.000		
	Nhà điều hành 5 tầng	15.000				
	Kho CFS	6.000				
	Bãi hậu phương cầu 5	6.000				
5	Cải tạo kéo dài bến phụ	500	86.654	9.684		

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG



STT	Tên dự án	2014	2015	2016	2017	2018
	Chùa Vẽ về thượng lưu					
6	Nâng cấp cải tạo Hệ thống điện xí nghiệp Chùa Vẽ	25.800				
7	Dự án đường RTG các bãi 3-6 Xí nghiệp xếp dỡ Tân cảng	30.000	10.000			
8	Hệ thống cấp điện Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng	30.000	30.000	10.000	10.000	25.000
9	Các công trình đầu tư nhỏ	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
10	Nạo vét vũng quay tàu	10.000	3.889			
11	Dự án đường RTG 3-6 Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng giai đoạn II		20.000	10.000		
II.	Thiết bị	374.489	344.380	0	0	0
1	Thiết bị xếp dỡ hàng rời (Xe xúc lật thủy lực)	3.519				
2	Hoán cải RTG tại Chùa Vẽ sử dụng điện lưới	3.280				
3	Cần trục giàn RTG nâng cao năng lực cho Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng	309.870				
4	Cần trục giàn QC cho Xí nghiệp xếp dỡ Tân Cảng (phục vụ xếp dỡ tại cầu 7)	20.600	185.400			
5	Dự án đầu tư tăng sức nâng của 04 chiếc cần trục giàn QC tại Chùa Vẽ	15.000				
6	Dự án đầu tư cần trục giàn RTG	17.220	154.980			

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG



STT	Tên dự án	2014	2015	2016	2017	2018
7	Dự án đầu tư xe khách 41-45 chỗ		4.000			
8	Các dự án đầu tư nhỏ	5.000				
III.	Công nghệ thông tin	42.558	34.057	0	0	0
1	Hệ thống công nghệ thông tin cho Tân Cảng	34.058	34.057			
2	Nâng cấp hệ thống máy chủ, hệ thống cơ sở hạ tầng mạng MIS	3.000				
3	Nâng cấp cải tiến phần mềm hệ thống thông tin quản lý MIS	4.000				
4	Xây dựng phần mềm quản lý khối kỹ thuật	1.500				
IV.	Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	50.700	27.300			
V.	Dự án đầu tư xây dựng các bến tàu tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng - Cảng Hải Phòng	1.000	5.000	14.000	350.000	350.000
	Tổng cộng đầu tư	678.047	673.346	87.684	361.000	376.000

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

b. Kế hoạch góp vốn/ thoái vốn

Bảng 29: Kế hoạch góp vốn/thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Nhu cầu đầu tư	2014	2015	2016	2017
1	Góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết	50,7	27,3	0	0
2	Thoái vốn tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết	0	0	0	0

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

Ghi chú:

- Công ty đã ký biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Hóa dầu Quân đội dự kiến góp vốn thành lập Công ty cổ phần để đầu tư, khai thác cảng tổng hợp, container với 02 cầu cảng tiếp nhận tàu 20.000 DWT tại Đình Vũ, tiếp giáp sông Bạch Đằng, liền kề với đường xuyên đảo Đình Vũ ra phà Đình Vũ. Cảng Hải Phòng góp 26% Vốn điều lệ tại CTCP này, tương đương 78 tỷ đồng. Kế hoạch góp vốn dự kiến diễn ra thành 3 đợt:

+ Đợt 1: góp vốn 30% Vốn điều lệ ngay sau khi thành lập CTCP

+ Đợt 2: góp vốn 35% Vốn điều lệ vào đầu quý IV năm 2014

+ Đợt 3: góp vốn 35% Vốn điều lệ vào đầu quý II năm 2015

- Công ty sẽ cân nhắc kế hoạch thoái vốn, giảm tỷ lệ sở hữu tại các thời điểm phù hợp nếu các đơn vị kinh doanh không hiệu quả hoặc việc nắm giữ cổ phần tại các công ty này không còn phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

9. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá

9.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm sau cổ phần hóa

Bảng 30: Kế hoạch kinh doanh 2014 – 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
I. SỐ LIỆU CÔNG TY MẸ					
1. Kế hoạch đầu tư	678.047	673.346	87.684	361.000	376.000
2. Vốn điều lệ	3.269.600	3.269.600	3.269.600	3.269.600	3.269.600
3. Tổng số lao động (người)	3.800	3.700	3.600	3.500	3.500
4. Tổng quỹ lương	466.478	431.625	434.071	447.041	460.559
5. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10,2	9,7	10,0	10,6	11,0
6. Sản lượng (1000 Tấn)	19.400	20.000	20.800	21.800	23.000
- Xuất khẩu	4.650	4.794	4.986	5.225	5.513
- Nhập khẩu	8.650	8.918	9.274	9.720	10.255
- Nội địa	6.100	6.289	6.540	6.855	7.232
Các mặt hàng chủ yếu					
- Container (1000 TEU)	1.070	1.110	1.160	1.200	1.300
- Hàng rời (1000 Tấn)	5.200	5.400	5.500	5.600	5.500
7. Tổng doanh thu	1.470.000	1.500.000	1.607.000	1.707.000	1.812.000
7.1 Hoạt động KDCB	1.400.000	1.450.000	1.550.000	1.650.000	1.750.000
7.2 Hoạt động tài chính+khác	70.000	50.000	57.000	57.000	62.000
8. Tổng chi phí	1.253.680	1.259.202	1.324.453	1.359.254	1.350.733
8.1 Chi phí hoạt động KDCB	1.211.141	1.194.625	1.212.097	1.261.343	1.275.436
+ Nhiên liệu	65.000	66.950	68.959	71.027	73.158
+ Vật liệu	60.600	65.448	70.700	76.400	82.500

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
+ Sửa chữa	70.857	62.000	62.000	72.000	60.000
+ Lương trực tiếp	466.478	431.625	434.071	447.041	460.559
+ Khấu hao	280.000	300.000	310.000	310.000	310.000
+ BHXH, KPCĐ, BHTN, BHYT	39.929	37.140	34.993	32.731	30.564
+ Điện	22.500	24.750	25.988	27.287	28.652
+ Nước	1.900	1.913	1.926	1.939	1.953
+ Chi phí quản lý, khác	203.877	204.799	203.460	222.918	228.050
8.2 Hoạt động tài chính+khác	42.539	64.577	112.356	97.911	75.297
9.Lợi nhuận trước thuế	216.320	240.798	282.547	347.746	461.267
10.Thuế TNDN	38.350	43.845	46.209	59.249	80.953
11. Lợi nhuận sau thuế	177.970	196.952	236.338	288.497	380.314
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>12.458</i>	<i>13.777</i>	<i>16.528</i>	<i>20.195</i>	<i>26.622</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>8.898</i>	<i>9.848</i>	<i>11.817</i>	<i>14.425</i>	<i>19.016</i>
<i>Quỹ Dự phòng tài chính</i>	<i>8.898</i>	<i>9.848</i>	<i>11.817</i>	<i>14.425</i>	<i>19.016</i>
<i>Chia cổ tức</i>	<i>130.784</i>	<i>163.480</i>	<i>196.176</i>	<i>228.872</i>	<i>261.568</i>
<i>LN còn lại chưa phân phối</i>	<i>16.931</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>10.580</i>	<i>54.092</i>
12. Tỷ lệ cổ tức	4,0%	5,0%	6,0%	7,0%	8,0%
13. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	5,4%	6,0%	7,2%	8,7%	11,3%
14. Vốn chủ sở hữu	3.304.328	3.289.285	3.293.208	3.309.004	3.372.279
15. Thu nhập trên 01 cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	544	602	723	882	1.163
II. SỐ LIỆU HỢP NHẤT					
16. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ	215.226	234.708	266.126	318.285	405.102
17. Thu nhập trên 01 cổ phiếu (EPS)	658	718	814	973	1.239

Bảng 31: Các chỉ số về hiệu quả hoạt động và sinh lời (căn cứ số liệu Công ty mẹ)

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
1	Chi phí/Doanh thu (hoạt động KDCB)	86,5%	82,4%	78,2%	76,4%	73%
2	Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu (hoạt động KDCB)	13,5%	17,6%	21,8%	23,6%	27,1%
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế /Tổng doanh thu	14,7%	16,1%	17,6%	20,4%	25,5%
4	Tổng Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	12,1%	13,1%	14,7%	16,9%	21,0%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu	5,4%	6,0%	7,2%	8,7%	11,3%

Lưu ý: Công ty đang trong quá trình cổ phần hóa và dự kiến việc cổ phần hóa sẽ hoàn tất vào cuối Quý 2 năm 2014, sau khi Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần. Do đó, nếu đúng tiến độ trên, kết quả sản xuất kinh doanh 2 quý cuối năm 2014 sau khi Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần sẽ thuộc về các cổ đông và mức cổ tức chi trả cho cổ đông sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần.

9.2. Thuyết minh kế hoạch kinh doanh (Công ty mẹ):

9.2.1. Kế hoạch đầu tư:

Sau cổ phần hóa Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở khu vực Tân Cảng Đình Vũ nhằm phát huy tối đa lợi thế tại khu vực này và nâng cao khả năng bốc xếp. Việc đầu tư này là thiết yếu và tiên quyết khi trong dài hạn xu hướng và tiềm năng khai thác của các cảng khu vực thượng lưu bị thu hẹp. Sau khi hoàn thành công tác đầu tư mở rộng này, năng lực bốc xếp của Công ty có thể đạt mức 25 triệu tấn/năm sau năm 2018.

Với chiến lược phát triển dài hạn, Cảng Hải Phòng có kế hoạch đầu tư các bến tàu tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Khu Lạch Huyện), quy mô dự kiến là 6 bến container và tổng hợp với chiều dài 2.250 m cầu tàu có thể đón được tàu có trọng tải 8.000 TEU; 50.000 đến 100.000 DWT. Năng lực bốc xếp dự kiến của mỗi bến là 3

triệu tấn/năm. Hiện Công ty đang trong giai đoạn xin phép Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Công ty dự kiến triển khai đầu tư vào năm 2017, 2018 và có thể bắt đầu khai thác vào năm 2020.

9.2.2. Kế hoạch sản lượng:

Hiện tại năng lực bốc xếp của Cảng Hải Phòng đạt khoảng trên 20 triệu tấn/ năm, tuy nhiên sản lượng thực tế phụ thuộc vào tình hình thị trường và cơ cấu hàng hóa bốc xếp. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt ở khu vực Hải Phòng khi nhiều cảng hiện tại đầu tư mở rộng nâng cao công suất và sự xuất hiện nhiều cảng mới (Vipco-GMD, Hải An...), Công ty đạt mục tiêu tăng trưởng sản lượng từ 3% trong năm 2014 và 2015 và tăng lên mức tăng trưởng 6-7% trong năm 2016-2018 khi việc đầu tư mở rộng và nâng công suất của khu Tân Cảng – Đình Vũ hoàn thiện vào năm 2015. Năng lực bốc xếp của Công ty có thể lên mức 25 triệu tấn/năm sau năm 2018 dự kiến tiếp tục nâng cao tổng năng lực bốc xếp lên 43 triệu tấn/năm trong dài hạn sau khi hoàn thiện toàn bộ dự án đầu tư 06 bến container tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

9.2.3. Kế hoạch doanh thu:

Đối với hoạt động kinh doanh cơ bản: Trong điều kiện thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, xu hướng thu hẹp tại các cảng khu vực thượng lưu (bao gồm khu cảng Hoàng Diệu) và trong điều kiện tiếp tục hoàn thiện công tác đầu tư tại Tân Cảng Đình Vũ, Công ty đặt kế hoạch tăng trưởng doanh thu cho hoạt động kinh doanh cơ bản là từ 3-4%/năm trong năm 2014, 2015 và kỳ vọng mức tăng trưởng từ năm 2016 lên mức 6-7% sau khi hoàn thành việc đầu tư mở rộng khu Tân Cảng – Đình Vũ trong năm 2015. Sau năm 2018, quy mô doanh thu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng khi năng lực bốc xếp nâng lên mức 25 triệu tấn/năm và dự án đầu tư các bến container và tổng hợp tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng được đưa vào khai thác dự kiến từ năm 2020.

Đối với hoạt động tài chính và hoạt động khác: Doanh thu chủ yếu từ việc thu lãi cổ tức từ các công ty con, so với năm 2013 và các năm trước cổ phần hóa, doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác giảm đáng kể do (1) tiền lãi khoản gửi ngân hàng giảm khi công ty ưu tiên công tác đầu tư và duy trì lượng tiền mặt thấp (2) kế hoạch doanh thu tài chính tính đến các khoản hoàn nhập chênh lệch tỷ giá bất thường phát sinh trong năm trước cổ phần hóa.

9.2.4. Kế hoạch chi phí:

Tổng mức chi phí cho hoạt động kinh doanh cơ bản được rà soát và tiết giảm; tổng chi phí lương giảm từ 38%/doanh thu hoạt động kinh doanh cơ bản xuống bình quân còn khoảng gần 30%; các chi phí nhiên, vật liệu, chi phí sửa chữa, chi phí quản lý, khác cũng được rà soát đến mức giảm thiểu tối đa. Tỷ lệ chi phí/doanh thu (hoạt động kinh doanh cơ bản) giảm dần từ mức bình quân 95%/doanh thu các năm trước cổ phần hóa xuống dự kiến 86,5% năm 2014, 82,4% năm 2015 và 73% năm 2018.

Chi phí hoạt động tài chính được tính toán dựa trên các khoản vay nợ hiện tại, chi phí lãi vay phát sinh khi công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, thiết bị cho khu Tân Cảng Đình Vũ và đầu tư khác (chi phí lãi vay chỉ tính trên những khoản nằm trong kế hoạch đầu tư và có kế hoạch giải ngân), chi phí lãi vay tạm tính đối với giá trị của cầu 4, cầu 5 khu vực Chùa Vẽ được Nhà nước giao tặng tài sản và tặng nghĩa vụ trả nợ.

9.2.5. Kế hoạch lợi nhuận

Hoạt động kinh doanh cơ bản đã được cải thiện mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng LNTT hoạt động kinh doanh cơ bản năm 2014 tăng 212% so với năm 2013, tốc độ tăng trưởng năm 2015 đạt 35% so với năm 2014, tăng trưởng bình quân LNTT giai đoạn 2015-2018 bình quân đạt khoảng 26%.

Tỷ suất LNTT/Doanh thu của hoạt động kinh doanh cơ bản đạt mức hiệu quả tốt so với các năm trước cổ phần hóa từ mức trung bình 4,2% các năm 2011-2013 lên mức trung bình 20% trong giai đoạn 2014-2018.

Tỷ suất LNST/Tổng doanh thu giai đoạn trước cổ phần hóa 2011-2013 (bao gồm cả những khoản hoàn nhập bất thường từ chênh lệch tỷ giá) là 8%, sau cổ phần hóa tỷ suất LNST/Tổng doanh thu giai đoạn 2014-2018 dự kiến lên mức trung bình 12,1% và đạt mức 21% vào năm 2018.

9.2.6. Kế hoạch cổ tức

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Công ty dự kiến chi trả mức cổ tức là 4% cho cả năm 2014, 5% trong năm 2015, 6% trong năm 2016, 7% trong năm 2017 và 8% trong năm 2018. Tuy nhiên kế hoạch này phụ thuộc vào kết quả kinh doanh thực tế và được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua.

9.3. Thuyết minh chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất

- Công ty tính toán số liệu lợi nhuận sau thuế hợp nhất (thuộc về cổ đông công ty mẹ) dựa trên lợi nhuận sau thuế của các công ty con theo tỷ lệ sở hữu của Cảng Hải Phòng tại các công ty này.

- Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Công ty tính toán số liệu lợi nhuận hợp nhất với 2 công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (tỷ lệ sở hữu 51%) và Công ty cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng (tỷ lệ sở hữu 60%).

- Việc tính lợi nhuận hợp nhất này được đã loại trừ phần cổ tức của công ty mẹ nhận được từ 2 công ty con trên.

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2014 của các công ty con căn cứ theo số liệu của kế hoạch kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty cổ phần Lai dất và vận tải Cảng Hải Phòng công bố. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2015-2018 của các công ty này tạm tính theo số kế hoạch của năm 2014.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

Công ty đề xuất quy mô vốn điều lệ, tỷ lệ sở hữu của nhà nước, tỷ lệ chào bán cổ phần ra công chúng sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

Vốn điều lệ: 3.269.600.000.000 đồng (Ba nghìn hai trăm sáu mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng) tương đương 326.960.000 cổ phần (Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn cổ phần).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng một cổ phần)

Bảng 32: Cơ cấu vốn điều lệ công ty cổ phần

STT	Đối tượng	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Vốn nhà nước	2.452.200.000.000	245.220.000	75,00%
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	57.688.000.000	5.768.800	1,76%
3	Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc	40.743.000.000	4.074.300	1,25%
4	Bán cho Công đoàn	7.000.000.000	700.000	0,21%
5	Bán cho đối tác chiến lược	335.613.000.000	33.561.300	10,26%
6	Bán đấu giá cổ phần IPO	376.356.000.000	37.635.600	11,51%
	Vốn điều lệ	3.269.600.000.000	326.960.000	100%

(*) Theo Quyết định số 276/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/02/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam sẽ nắm giữ 75% vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng sau khi cổ phần hóa.

IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

1.1. Hình thức chào bán

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 37.635.600 cổ phần
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm: 13.500 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán: Đấu giá theo mô hình đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1.2. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- Số lượng cổ phần đăng ký đặt mua tối thiểu: 100 cổ phần
- Số lượng đặt mua tối đa: 37.635.600 cổ phần
- Số lượng đặt mua: Theo bội số 100
- Đặt cọc: Bằng 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm

1.3. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- Thời gian đăng ký tại các đại lý đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định trong Quy

chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.

- Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng.
- Công ty thực hiện bán đấu giá một lần để chuyển Công ty sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

1.4. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

❖ Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39412626 Fax: (84-4) 39347818

Website: www.hnx.vn

❖ Tổ chức tư vấn lập phương án cổ phần hóa và bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (848) 38242897 - Fax: (848) 38242997

Chi nhánh Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 39366321 Fax: +84 4 39366311

Website: www.ssi.com.vn

❖ Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ

Địa chỉ: Phòng 201- Đơn nguyên 2 - Tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng –
Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Điện thoại: 04.62662284 Fax: 04.62662285

Website: <http://www.atc-audit.com/>

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động và tạo động lực của người lao động với sự phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.

2.1. Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần

Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hoá trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:

- Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;
- Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);
- Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Tổng số cổ phần của người lao động của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng được mua ưu đãi là: **5.768.800 cổ phần**.

2.2. Xác định giá chào bán

Theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP, giá cổ phần chào bán cho cán bộ công nhân viên như sau:

- Đối với người lao động đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi, giá cổ phần chào bán bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất.
- Phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần của cán bộ công nhân viên do Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng quy định cụ thể.

3. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư trong nước là đối tác chiến lược

3.1. Hình thức chào bán

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 33.561.300 cổ phần
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Hạn chế chuyển nhượng: 5 năm kể từ ngày CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3.2. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược trong nước

Căn cứ Văn bản số số 613/NQ-HHVN ngày 10 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng khi cổ phần hóa như sau:

a. Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược:

Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Cảng Hải Phòng khi cổ phần hóa là nhà đầu tư trong nước có uy tín, có năng lực tài chính, có sự cam kết gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần và có khả năng hỗ trợ công ty cổ phần trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa về: Phát triển thị trường khai thác cảng; Nâng cao năng lực tài chính; Quản trị doanh nghiệp; Quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; Cung ứng nguyên vật liệu; Chuyển giao

công nghệ mới, hiện đại ...

b. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược

- Là nhà đầu tư trong nước hoạt động trong lĩnh vực: Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa hoặc các lĩnh vực khác có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, có hàng hóa thông qua Cảng Hải Phòng; Kinh doanh dịch vụ Logistics; Quản lý và khai thác cảng biển; Tài chính; Ngân hàng.

- Có thời gian hoạt động tối thiểu 05 năm;

- Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:

+ Có tổng tài sản tối thiểu 1000 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013;

+ Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 700 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013;

+ Chứng minh có đủ nguồn vốn góp;

+ Có lợi nhuận sau thuế dương trong ba năm liên tiếp trước năm đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược (năm 2011, 2012, 2013);

- Không là nhà đầu tư chiến lược, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên tại bất kỳ doanh nghiệp kinh doanh khai thác cảng nào tại khu vực miền Bắc vào thời điểm đăng ký tham gia làm nhà đầu tư chiến lược;

- Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ Công ty cổ phần trong một hoặc một số lĩnh vực quy định tại Mục 1 - Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược,

- Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Không thực hiện các giao dịch nào với công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của công ty cổ phần;

- Không chuyển nhượng cổ phần được mua cho nhà đầu tư nước ngoài dưới bất

kỳ hình thức nào.

c. Số lượng nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tối đa là 03 nhà đầu tư.

3.3. Hồ sơ đăng ký

- Thư ngỏ/văn bản gửi Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng bày tỏ nhu cầu muốn tham gia làm nhà đầu tư chiến lược. (theo mẫu đính kèm).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy phép hoạt động (sao y công chứng/chứng thực theo quy định).
- Bản thông tin giới thiệu kinh nghiệm, năng lực của nhà đầu tư.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 và 2013.

3.4. Danh sách nhà đầu tư chiến lược

- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Hải Phòng đã đăng tải Thư ngỏ về việc trở thành nhà đầu tư chiến lược của Công ty khi cổ phần hóa trên phương tiện thông tin đại chúng và website www.haiphongport.com.vn.

- Tại thời điểm ngày 3/4/2014, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng nhận được 01 bộ hồ sơ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam đăng ký mong được tham gia là nhà đầu tư chiến lược. Việc bán cổ phần cho đối tác chiến lược sẽ được thực hiện theo quy định sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

4. Bán cổ phần cho CBCNV theo năm cam kết làm việc

Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (10/03/2014), thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Tổng số cổ phần chào bán thêm cho cán bộ công nhân viên theo số năm cam kết làm việc của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng là 4.074.300 cổ phần (tương đương 1,25% vốn điều lệ).

Giá bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên mua thêm được xác định là giá đầu

giá thành công thấp nhất sau khi đấu giá công khai.

5. Bán cổ phần cho Tổ chức Công đoàn

- Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược dự kiến: 700.000 cổ phần (tương đương 0,21% vốn điều lệ).

- Công đoàn sử dụng nguồn kinh phí công đoàn để mua cổ phần. Giá bán cổ phần cho tổ chức Công đoàn là 60% giá đấu giá thành công thấp nhất.

6. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần

6.1. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần hóa

Số tiền thu từ cổ phần hóa được xử lý như quy định tại khoản 1, điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

6.2. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Số tiền thu được từ cổ phần hóa doanh nghiệp do phát hành thêm cổ phần được giữ lại tại công ty cổ phần phục vụ cho mục đích đầu tư, phát triển các dự án tiềm năng.

Bảng 33: Tổng số tiền dự kiến thu được từ cổ phần hóa

TT	Nội dung	Cổ phần	Giá trị (Đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần		3.269.600.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại Doanh nghiệp sau khi đánh giá lại		3.269.611.135.864
3	Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần		2.452.200.000.000
4	Giá trị tính theo mệnh giá của cổ phần bán cho người lao động, Tổ chức Công đoàn, đối tác chiến lược và bán đấu giá		817.400.000.000
5	Tiền thu được từ cổ phần hóa		1.068.558.480.000
5.1	Bán đấu giá	37.635.600	508.080.600.000

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG



TT	Nội dung	Cổ phần	Giá trị (Đồng)
5.2	Bán CP ưu đãi cho CBCNV bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất	5.768.800	46.727.280.000
5.3	Bán CP cho Tổ chức Công đoàn bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất	700.000	5.670.000.000
5.4	Bán CP cho CBCNV theo năm cam kết làm việc	4.074.300	55.003.050.000
5.5	Bán cổ phần cho NĐT chiến lược	33.561.300	453.077.550.000
6	Chi phí cổ phần hóa		500.000.000
7	Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư		0
8	Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa $\{(2)-(3)+(5)-(6)-(4)\}$		1.068.069.615.864

Ghi chú: Tính toán trên dựa trên các giả định là:

- Các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần được chào mua.
- Giá đấu thành công thấp nhất tạm thời tính bằng giá khởi điểm dự kiến là 13.500 đồng/cổ phần.

Số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ căn cứ theo kết quả bán cổ phần thực tế theo đúng các quy định của pháp luật .

V. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro kinh tế

Thông thường, những diễn biến chung của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp, ngược lại khi kinh tế suy thoái, lãi suất, lạm phát sẽ tăng cao... là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong hai năm 2012 – 2013 vừa qua, với sự áp dụng quyết liệt các biện pháp đồng bộ trong điều hành kinh tế của chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, xử lý nợ xấu và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, giải quyết hàng tồn kho, tình hình kinh tế - xã hội đã có bước chuyển biến tích cực. Trong năm 2013, tăng trưởng GDP ước tính đạt 5,42% cao hơn mức 5,25% năm ngoái, tốc độ tăng CPI chậm lại ở mức 6,04% cả năm 2013. Tuy nhiên, khi chỉ tiêu lạm phát được kiểm soát, mức gia tăng sản phẩm và dịch vụ không cao, làm chậm lại kỳ vọng tăng trưởng công nghiệp, thương mại. Do vậy, với diễn biến hiện tại của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu.

2. Rủi ro luật pháp

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mô hình tổ chức, hoạt động kinh doanh của Cảng Hải Phòng sẽ không còn được điều chỉnh bởi các quy định liên quan về tổ chức, quản lý tài chính áp dụng cho công ty Nhà nước. Cảng Hải Phòng sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Ngoài ra, sau khi chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, Cảng Hải Phòng sẽ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi trở thành Công ty đại chúng. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, một số quy định chưa rõ ràng và còn lệ thuộc nhiều vào các văn bản hướng dẫn thi hành, cũng như một số vấn đề pháp lý phát sinh khác vẫn ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro quy hoạch

Theo quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 thì khu vực Hoàng Diệu - Lê Thánh Tông thuộc khu dân cư đô thị hạn chế phát triển và từng bước sẽ phải di dời các nhà máy, xí nghiệp, kho tàng, cảng biển để dành đất xây dựng dịch vụ, công cộng và bổ sung cây xanh. Đất phần cảng ven sông Cấm sẽ di dời sẽ dành cho phát triển khu chức năng đô thị, ưu tiên công trình dịch vụ công cộng, cây xanh, văn phòng, thương mại. Cảng Hoàng Diệu, vốn là cảng làm hàng rời lớn nhất của Công ty, nằm trong khu quy hoạch trên và trong tương lai sẽ phải di dời hoạt động khai thác. Cảng Hải Phòng đã có chiến lược và kế hoạch kinh doanh tương ứng đối với quy hoạch trên là từng bước di dời tài sản tại Cảng Hoàng Diệu sang phục vụ khai thác tại các khu cảng khác như Tân Cảng, Cảng Chùa Vẽ. Tuy nhiên, quy hoạch này mang tính dài hạn, đi vào thực tế sẽ để lại rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Cảng Hải Phòng

3.2. Rủi ro biến động giá đầu vào cho sản xuất

Xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu chính cho đầu vào sản xuất kinh doanh của ngành khai thác cảng. Mặt khác, xăng dầu cũng là nhân tố quan trọng hoạt động kinh doanh của các hãng tàu, hãng vận tải. Vì vậy, mọi biến động giá xăng dầu nội địa và trên toàn thế giới cũng đều có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Cảng Hải Phòng. Trước tình hình ngày một khan hiếm của tài nguyên này và những bất ổn kinh tế - chính trị trên thế giới, giá nguyên vật liệu được dự báo sẽ dao động mạnh trong tương lai, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp liên quan bao gồm cả doanh nghiệp khai thác cảng và các khách hàng/ đối tác của họ.

3.3. Rủi ro thay đổi công nghệ

Đặc thù ngành khai thác cảng là sử dụng các thiết bị nâng, đỡ quy mô lớn. Tốc độ thay đổi công nghệ đối với những thiết bị này không cao, vì vậy, các doanh nghiệp khai thác cảng không chịu nhiều rủi ro do sự thay đổi liên tục của công nghệ mới. Tuy nhiên, do việc đầu tư cho các thiết bị trên yêu cầu mức đầu tư lớn, doanh nghiệp sẽ cần chú ý tới hiệu quả trong sử dụng nhằm đảm bảo tính kinh tế của các khoản đầu tư vào máy móc thiết bị này.

3.4. Rủi ro cạnh tranh

Cảng Hải Phòng chịu sự cạnh tranh của hơn 30 cảng lớn nhỏ khác trong vùng về hai mặt chủ yếu: nguồn khách hàng và giá cước, tác động trực tiếp đến thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Tân Cảng Đình Vũ nằm tại vị trí cửa ngõ quan trọng, có nhiều thuận lợi trong thu hút tàu đến làm hàng, mặt khác, các cảng như Chùa Vẽ hay Hoàng Diệu nằm sâu trong nội địa nên không có lợi thế này, chịu nhiều rủi ro cạnh tranh hơn. Một số cảng đối thủ cạnh tranh có năng lực bốc xếp hiệu quả, năng động trong thu hút khách hàng mới. Mặt khác, Cảng Hải Phòng còn bị cạnh tranh bởi các cảng lớn không nằm trong khu vực Cảng Hải Phòng, ví dụ như Cảng Cái Lân, có thể thu hút tàu hàng từ khu vực Hải Phòng nói chung.

4. Rủi ro liên quan đến các vấn đề cần tiếp tục xử lý khi cổ phần hóa và bàn giao sang công ty cổ phần

Cảng Hải Phòng khi chuyển từ công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cần tiếp tục xử lý các vấn đề phát sinh và thực hiện quyết toán bàn giao vốn, tài sản từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013) đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần. Các kết quả xử lý có thể ảnh hưởng đến giá trị vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần và có thể phát sinh tăng dòng tiền phải nộp về Nhà nước.

Thứ nhất, hiện nay Cảng Hải Phòng đang hạch toán, quản lý và khai thác 2 cầu cảng số 4, số 5 thuộc Bến cảng Chùa Vẽ. Các tài sản được Nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA, sau đó bàn giao cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng quản lý, khai thác theo Quyết định số 37/QĐ-CHHVN ngày 18/01/2006 và Quyết định số 914/QĐ-CHHVN ngày 25/12/2006. Công ty đã ghi nhận tài sản từ thời điểm được bàn giao và hạch toán trích khấu hao tài sản cố định đối với 2 cầu cảng nêu trên. Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty, giá trị 2 cầu cảng nêu chưa được kết toán, Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp đã định giá lại là 162 tỷ đồng, giá trị 162 tỷ đồng này đã tính vào vốn Nhà nước. Ngày 25/03/2014, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1966/VPCP-KTN về việc chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng hạch toán tăng tài sản và giao cho Bộ Giao thông Vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan phê duyệt phương án khai thác, sử dụng các cầu cảng của Cảng Hải Phòng, đảm bảo thu hồi vốn và trả nợ vay, lãi vay theo đúng các điều kiện của Hiệp định vay vốn đã ký kết với Nhà tài trợ nước ngoài. Sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cầu số 4, số 5 và giá trị khoản nợ phải trả thực tế, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sẽ có nghĩa vụ trả khoản nợ vay theo giá trị được các cơ quan có thẩm

quyền phê duyệt. Đồng thời, giá trị phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần sẽ bị giảm tương ứng với giá trị khoản nợ phải trả này. Theo phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng, phương án xử lý như sau: (1) Sử dụng khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được chuyển thành phần vốn của Nhà nước tại công ty cổ phần để bù đắp; (2) Trong trường hợp giá trị vốn Nhà nước vẫn chưa đủ so với phần vốn góp trong cơ cấu vốn điều lệ theo phương án cổ phần hóa, Công ty kiến nghị giữ lại lợi nhuận hàng năm chia cổ tức cho cổ đông Nhà nước để tăng giá trị vốn góp của Nhà nước theo đúng phương án cổ phần hóa.

Thứ hai, liên quan đến khoản chi phí sửa chữa đã được trích trước trong giai đoạn 2010 đến 2013 khoảng 101 tỷ đồng: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, các khoản chi phí sửa chữa trích trước trong giai đoạn 2010 đến 2013 (giá trị khoảng 101 tỷ đồng) đã được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ của Cảng Hải Phòng. Hiện tại Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam đang gửi văn bản lên Bộ Tài chính về việc số dư khoản trích này tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được coi là nợ phải trả hay xử lý tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP. Giá trị doanh nghiệp và phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng thời điểm 24h ngày 30/06/2013 xác định lại chưa bao gồm giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa. Trong trường hợp Bộ Tài chính có văn bản đồng ý xử lý giá trị các khoản chi phí sửa chữa trích trước tương tự như các khoản dự phòng tại Điều 17 Nghị định 59/2011/NĐ-CP, thì giá trị 101 tỷ đồng chi phí sửa chữa trích trước này sẽ được ghi tăng phần phải trả về nhà nước.

Thứ ba, liên quan đến khoản thuế nhà thầu: Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng chưa điều chỉnh đối với khoản thuế nhà thầu theo kết luận kiểm tra của Cục thuế Hải Phòng và đang gửi công văn xin hướng dẫn của Tổng cục thuế. Trong trường hợp có hướng dẫn cụ thể của Tổng cục thuế về việc phải nộp các khoản thuế nêu trên, Công ty TNHH Cảng Hải Phòng cần phải thực hiện quyết toán khoản này với các vấn đề phát sinh khác trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2013) đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Thứ tư, các vấn đề khác phát sinh khác như lợi nhuận trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và các vấn đề tồn tại về tài chính khác... sẽ được rà soát và quyết toán. Khoản chênh lệch tăng giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính

thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được (nếu có) sẽ được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

5. Rủi ro của đợt chào bán cổ phần

Việc chào bán cổ phần ra công chúng của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán, và các diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những dấu hiệu bất lợi của các yếu tố này có ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro mang tính đặc thù trong hoạt động khai thác cảng, Cảng Hải Phòng cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro như thiên tai, địch họa ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Cảng Hải Phòng cũng như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.

VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Vũ Khắc Từ	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Trưởng ban
2	Ông Lê Phan Linh	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Phó Trưởng ban thường trực
3	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Phó Trưởng ban
4	Ông Lương Đình Minh	Quyền Trưởng Ban Kế toán Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên thường trực
5	Ông Hoàng Thanh Hải	Trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
6	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh	Trưởng Ban Tài chính Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
7	Ông Nguyễn Danh Sơn	Trưởng ban Tư vấn và Đổi mới Phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
8	Ông Nguyễn Văn Chung	Phó Trưởng Ban Tổ chức Tiền lương Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
9	Ông Trịnh Hữu Lương	Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
10	Ông Trần Đăng Hùng	Phó Trưởng Ban Quản lý khai thác cảng biển Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
11	Ông Ngô Việt Anh	Trưởng phòng Pháp luật Hàng hải, Ban Pháp chế Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
12	Ông Lê Duy Dương	Phó Trưởng Phòng Quản trị tài chính, Ban Tài chính Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên

TT	Họ và tên	Chức danh
		Thư ký
13	Ông Trần Tuấn Hải	Cán bộ, Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên Thư ký
14	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Cán bộ, Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên Thư ký

2. Tổ chức đấu giá:

❖ Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ trưởng
2	Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó thường trực
3	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó
4	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó
5	Ông Phùng Xuân Hà	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ phó
6	Ông Hoàng Văn Cường	Trưởng Phòng Tổ chức nhân sự Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
7	Ông Phạm Hồng Minh	Trưởng Phòng Kỹ thuật công trình Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
8	Ông Nguyễn Tường Anh	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
9	Ông Phan Tuấn Linh	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ Công ty TNHH

TT	Họ và tên	Chức danh
		MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
10	Ông Nguyễn Văn Thanh	Trưởng phòng Lao động Tiền lương Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
11	Ông Lê Thế Hùng	Trưởng phòng Khai Thác Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên
12	Bà Trần Thị Thanh Hải	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng – Tổ viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng:

❖ Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Bà Nguyễn Ngọc Anh - Chức vụ: Giám đốc khu vực phía Bắc, Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư.

Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn số 01/2013/UQ-SSI ngày 21/03/2013.

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng cung cấp.

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TCTHHVN

Vũ Khắc Từ

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV CẢNG HẢI PHÒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Việt

TRƯỞNG PHÒNG TCKT



Trần Thị Thanh Hải

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ KHU VỰC PHÍA BẮC



Nguyễn Ngọc Anh